Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 16/09/2020 14:50:04

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:186 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 9 năm 2020*

BÁO CÁO
Rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2011-2020

Thực hiện kết luận của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Báo cáo số 5728/BC-HĐTĐ ngày 31/8/2020 và trên cơ sở rà soát tình hình thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực; tình hình thực hiện các quy hoạch vùng liên quan tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2011-2020: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 13/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 2054/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ;UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2011-2020 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát nêu tại quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020: *"Đầu tư có trọng tâm vào các ngành có lợi thế so sánh cao nhằm đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả, bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, tạo nền tảng để trở thành Tỉnh công nghiệp - dịch vụ vào năm 2020; Phấn đấu đưa Quảng Ngãi lên vị trí cao về phát triển trong số các Tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung vào năm 2020"*, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện Quyết định số 2052/QĐ-TTg và đạt được một số kết quả như sau:

- Tăng trưởng GRDP tỉnh thời kỳ 2011-2020 ước đạt khoảng 4,62%/năm[1], trong đó giai đoạn 2011-2015 là 9,01%/năm[2], giai đoạn 2016-2020 ước đạt 4,87%[3]. Do đó, tỉnh không đạt được mục tiêu tăng trưởng theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020[4].

---

[1] Trong cùng thời kỳ 10 năm, tăng trưởng kinh tế của cả nước là 6,35%/năm.
[2] Trong đó: khu vực NLN&TS tăng 6,77%, khu vực CNXD tăng 7,35%, khu vực Dịch vụ tăng 14,38%.
[3] Trong đó: khu vực NLN&TS tăng 4,84%, khu vực CNXD tăng 4,55%, khu vực Dịch vụ tăng 5,5%. Ước kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2020 được xác định tại thời điểm tháng 7/2020, trong đó, có đánh giá tác động ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và giá dầu giảm mạnh trên thị trường thế giới.
[4] Theo Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 phê duyệt QHT-2010 thì mục tiêu tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011-2015 là 14%/năm, giai đoạn 2016-2020 là 12-13%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 2.796 USD/người, thấp hơn so với mục tiêu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 (4.300 - 4.500 USD/người), thấp hơn mức bình quân cả nước[5] và một số tỉnh trong khu vực.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần khu vực nông nghiệp và tăng khu vực thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, mô hình tăng trưởng của tỉnh vẫn dựa trên các yếu tố truyền thống (khai thác tài nguyên, vốn đầu tư, lao động giản đơn), chất lượng tăng trưởng và năng suất lao động còn thấp.

- Các lĩnh vực mũi nhọn, có tiềm năng, thế mạnh đã phát huy nhưng chưa đúng mức. Những điểm nghẽn về tiếp cận đất đai, vốn, nguồn nhân lực... gây khó khăn cho thu hút đầu tư, ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng của tỉnh. Tỉnh cũng chưa tìm ra những động lực mới cho phát triển. Lĩnh vực nông nghiệp và du lịch chưa tạo đột phá cho tăng trưởng kinh tế.

Bảng 1: Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội so với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020

TT	Các chỉ tiêu	Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016-2020		Đánh giá (gồm 02 giai đoạn)
		QHT-2010	Kết quả thực hiện	QHT-2010	Kết quả thực hiện (Ước tính)	
I	**Kinh tế**					
1	Tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân/năm	14%	9,01%	12-13%	4,87%	Chưa đạt
2	GRDP bình quân đầu người	2.000-2.200 USD	2.303 USD	4.300-4.500USD	2.796 USD	Chưa đạt
3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế					
	- Công nghiệp - Xây dựng	58,1%	55,67%	60,1%	51,95%	Chưa đạt
	- Dịch vụ	30,8%	26,10%	32,4%	29,00%	Chưa đạt
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	11,1%	18,22%	7,5%	19,05%	Chưa đạt
4	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	179 triệu USD	393,12 triệu USD	408 triệu USD	1.100 triệu USD	Đạt
5	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	20,1%	17,11%	23,4%	24,5%	Đạt
II	**Xã hội**					
1	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động xã hội còn khoảng	47%	56,5%	38,3%	45,58%	Chưa đạt

[5]Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, GDP bình quân đầu người cả nước người tăng từ 1.332 USD năm 2010 lên hơn 3.000 USD năm 2020.

TT	Các chỉ tiêu	Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016-2020		Đánh giá (gồm 02 giai đoạn)
		QHT-2010	Kết quả thực hiện	QHT-2010	Kết quả thực hiện (Ước tính)	
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	35%	45%	42%	55%	Đạt
3	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia:					
	-Trường mầm non			50%	44,39%	Chưa đạt
	-Trường tiểu học			70%	78,48%	Đạt
	- Trường THCS			70%	86,36%	Đạt
	- Trường Trung học phổ thông			70%	63,16%	Chưa đạt
4	Số giường bệnh/1 vạn dân(không tính trạm y tế xã)	22	22,5	24	29,48	Đạt
5	Số bác sỹ /1 vạn dân	6	5,74	7	7,45	Đạt
6	Tỷ lệ tăng dân số bình quân/năm	0,9%	0,83%	0,87%	0,84%	Đạt
7	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa đến năm 2020					
	- Gia đình văn hóa	90-95%	84,5%	100%	88%	Chưa đạt
	- Thôn, khối phố văn hóa	80-85%	82%	90-95%	78%	Chưa đạt
	- Cơ quan, đơn vị văn hóa	>95%	90%	100%	96%	Chưa đạt
III	**Môi trường**					
1	Tỷ lệ dân cư được dùng nước sạch hợp vệ sinh			98%	89-95%	Chưa đạt
2	Tỷ lệ che phủ rừng			50%	52%	Đạt

Sau gần 10 năm Quảng Ngãi triển khai, mặc dù kinh tế - xã hội của tỉnh có sự chuyển biến và đạt được những kết quả nhất định song so với mục tiêu của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 (ghi tắt QHT-2010) đưa ra thì số lượng chỉ tiêu đánh giá "đạt" còn thấp (7 chỉ tiêu), phần lớn chưa đạt, nguyên nhân chính:

- Tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân, GRDP bình quân đầu người, chuyển dịch cơ cấu kinh tế các giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 đạt thấp so với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 do còn phụ thuộc lớn vào tình hình hoạt động vào nhà máy lọc dầu, giá dầu giảm mạnh và ảnh hưởng

dịch bệnh Covid - 19.

- Dự báo Quy hoạch chưa lường hết những biến động về kinh tế nên việc xây dựng một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội cao, trong khi nguồn lực đầu tư thực tế có hạn nên trong quá trình triển khai thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt thấp. Việc thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP, huy động từ quỹ đất và các nguồn vốn khác chưa đạt hiệu quả.

- Các dự án công nghiệp lớn như Nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu, các dự án điện khí, dự án sản xuất giấy; dự án đầu tư, kinh doanh, khai thác hạ tầng ... triển khai chưa đúng tiến độ đã ảnh hưởng đến tiến độ huy động vốn đầu tư, giải quyết việc làm, cũng như ảnh hưởng mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Sự chồng chéo giữa các Luật chuyên ngành dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng (giữa luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, đấu thầu...); gây ảnh hưởng trong công tác thu hút đầu tư, nhất là việc thu hút đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại, đô thị. Hệ thống pháp luật, các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Chính phủ quy định về tổ chức, bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị chưa được ban hành mới đồng bộ.

- Hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và vừa, thậm chí siêu nhỏ nên gặp nhiều khó khăn trước mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng. Áp lực từ cạnh tranh của thị trường dẫn đến việc dịch chuyển hoặc đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất của một số dự án sang địa phương khác; việc thực hiện các cam kết về giảm thuế quan, hạn ngạch nhập khẩu và các điều kiện khác của các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại Quảng Ngãi.

- Kinh tế hợp tác xã là tổ chức kinh tế hợp tác tập hợp những thành viên đa số là những hộ nông dân; còn nhiều hạn chế về quy mô sản xuất kinh doanh, trình độ quản trị, trình độ khoa học và công nghệ, vốn và thị trường.

- Việc chủ động nắm bắt những cơ hội để thâm nhập và khai thác thị trường xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp chưa cao; quan hệ hợp tác đầu tư thương mại với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung để phát huy lợi thế trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch chưa rõ nét.

- Lượng khách đến Quảng Ngãi chưa nhiều so với tiềm năng. Nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch còn hạn chế, chưa có khu, điểm du lịch hoàn chỉnh. Sản phẩm du lịch ít, thiếu đặc sắc.

- Công tác quản lý nhà nước về giáo dục còn một số hạn chế nhất định. Một bộ phận cán bộ quản lý chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới; còn tình trạng đội ngũ giáo viên vừa thừa, vừa thiếu, chưa đồng bộ; một bộ phận giáo viên ngại đổi mới dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học chưa đáp ứng yêu cầu. Việc triển khai thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT vào học nghề chưa thực sự hiệu quả.

- Hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ, nhất là hệ thống xử lý nước thải.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu sử dụng bền vững tài nguyên

Kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng hợp lý tài nguyên để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 như sau:

- Về tài nguyên đất: Đã cân đối sử dụng quỹ đất một cách hợp lý đảm bảo duy trì diện tích đất cho phát triển nông, lâm nghiệp và đảm bảo đạt các mục tiêu đưa ra trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020. Cụ thể theo bảng dưới đây:

Bảng 1: Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về tài nguyên đất

TT	Các chỉ tiêu sử dụng đất	Đến năm 2020		Đánh giá
		QHT-2010 (ha)	Kết quả thực hiện (ha)	
1	Đất trồng lúa	30.000 – 35.000	41.164	Đạt
2	Đất trồng cây lâu năm	25.000 - 30.000	61.621	Đạt
3	Đất rừng sản xuất	160.000 - 165.000	160.093	Đạt
4	Đất rừng phòng hộ	125.000 - 130.000	126.236	Đạt
5	Đất nuôi trồng thủy sản	2.000 - 3.000	2.231	Đạt

- Về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước: Cơ bản khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước phục vụ phát triển công nghiệp, phục vụ nhu cầu dân sinh trong nước và xuất khẩu.

b) Kết quả thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Giữ vững và củng cố môi trường cảnh quan sinh thái đặc thù trong tỉnh, tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 52%, đạt so với mục tiêu của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 đề ra là trên 50%.

- Tỷ lệ xử lý chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế năm 2020 đạt 60-90%, chưa đạt so với mục tiêu của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 đề ra là 100%.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh năm 2020 chưa đạt so với mục tiêu của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 đề ra. Trong đó, khu vực đô thị đạt 85% (so với quy hoạch đề ra là 90%), khu vực nông thôn 40-50% (so với quy hoạch đề ra là 65%).

- Tỉnh đã triển khai nhiều dự án ứng phó biến đổi khí hậu, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như công trình tưới tiêu, ngăn mặn giữ ngọt, đê điều, cảng neo trú để vừa phục vụ vừa bảo vệ sản xuất. Quản lý nguồn nước tưới cho cây trồng, tăng cường công tác dự báo khí hậu ngắn và dài hạn, đặc biệt là dự báo các

hiện tượng khí hậu cực đoan để giảm thiểu sự thiệt hại do biến đổi khí hậu.

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu bảo vệ quốc phòng, an ninh

Đã thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh theo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020. Quốc phòng, an ninh trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Thực hiện tốt nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống và đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Tiềm lực kinh tế, quốc phòng an ninh được tăng cường, củng cố vững chắc hệ thống chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh, thích ứng với bối cảnh hội nhập sâu vào khu vực và quốc tế.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH 2011-2020

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

Tính đến thời điểm hiện tại, tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch như sau:

Bảng 2: Tình hình thực hiện dự án ưu tiên đầu tư của Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020

TT	Tên dự án	Tiến độ thực hiện dự án
A	**CÁC DỰ ÁN DO CÁC BỘ NGÀNH ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**	
1	Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Đã thực hiện và đưa vào sử dụng từ tháng 9/2018
2	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 24 (Quảng Ngãi - Kon Tum)	Khởi công thực hiện tháng 6/2020
3	Dự án đường tránh qua thị trấn La Hà - Tư Nghĩa	Chưa đầu tư
4	Dự án đường tránh qua thị trấn Châu Ổ - Bình Sơn	Chưa đầu tư
5	Dự án Trường Đại học Tài chính Kế toán Quảng Ngãi	Đang triển khai đầu tư
B	**CÁC DỰ ÁN DO TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**	
I	**Dự án đầu tư từ nguồn vốn Trung ương**	
1	Dự án tiêu thoát lũ sông Thoa	Đã triển khai đầu tư và đưa vào sử dụng tháng 10/2018
2	Dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	Đã triển khai đầu tư và đưa vào sử dụng đoạn Dung Quất – Trà Khúc (giai đoạn 1). Hiện đang chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2, thành phố Quảng Ngãi – Sa Huỳnh
3	Dự án đường cứu hộ, cứu nạn miền Tây tỉnh Quảng Ngãi	Đã triển khai đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng 62 km đường (dự án đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ – Minh Long – Sơn Hà đoạn Km6-Km22+336 (trừ đoạn km8+265-Km11+500) 200 tỷ đồng

TT	Tên dự án	Tiến độ thực hiện dự án
4	Dự án đường tỉnh lộ 623 (Sơn Tịnh - Sơn Tây)	Đang triển khai đầu tư (chia làm 2 đoạn, đoạn Sơn Tịnh-Sơn Hà (Km3+700 - Km48), đoạn Sơn Hà- Sơn Tây (Km48 - Km72+215) có tổng chiều dài trên 68,5 km) Nâng cấp, mở rộng ĐT.623 (sơn Hà – Sơn Tây), đoạn Km26-km27 (nối đến đường Đông Trường Sơn) (25 tỷ đồng)
5	Dự án đường cơ động đảo Lý Sơn giai đoạn 2	Đang triển khai đầu tư
6	Dự án cảng Bến Đình - Lý Sơn	Đã triển khai đầu tư, hoàn thành trong năm 2020
7	Các dự án đê biển từ Bình Sơn đến Đức Phổ	Đã đầu tư các tuyến đê biển huyện Lý Sơn (giai đoạn 1) (338 tỷ đồng); Kè chống sạt lở bờ biển bảo vệ KDC An Cường, xã Bình Hải (20 tỷ đồng); Đã đầu tư xây dựng tuyến đê bao nhằm ứng phó biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (tổng mức đầu tư 184 tỷ đồng, có sử dụng vốn ODA); Đang đầu tư xây dựng tuyến đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ (tổng mức đầu tư 146 tỷ đồng, có sử dụng vốn ODA). Đang đầu tư xây dựng đê Phổ Minh (80 tỷ đồng)
8	Dự án Vũng neo đậu tàu thuyền trú bão đảo Lý Sơn	Đã triển khai đầu tư, hoàn thành năm 2019
9	Dự án Trung tâm phòng cháy chữa cháy KKT Dung Quất	Bộ Công an đã đầu tư công trình và thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy KKT Dung Quất
10	Dự án cầu Cửa Đại nối đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	Đã triển khai đầu tư, dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 10/2020
11	Dự án rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh	Đã và đang tiếp tục thực hiện (kéo dài từ 2010 đến 2020 và qua giai đoạn sau)
12	Khu lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2)	Đã triển khai đầu tư và hoàn thiện năm 2015
13	Dự án đường Trì Bình - cảng Dung Quất (đường trục chính KKT Dung Quất)	Đang triển khai đầu tư
14	Dự án đường Võ Văn Kiệt giai đoạn 2 (KKT Dung Quất)	Đã đầu tư dự án thành phần II đoạn Bình Long – cảng Dung Quất (giai đoạn 2)
15	Dự án Bệnh viện Y học cổ truyền và các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh	Đã triển khai đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng Bệnh viện Sản Nhi tháng 10/2017 (tổng mức đầu tư 497 tỷ đồng) Đã đầu tư hoàn thành giao đoạn 1 (14 tỷ đồng) và đang đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền (giai đoạn 2) (126 tỷ đồng) Đã đầu tư dự án Mở rộng các khoa: thận nhân tạo, xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh, bệnh nhiệt đới thuộc Bệnh viện ĐK tỉnh (15 tỷ

TT	Tên dự án	Tiến độ thực hiện dự án
		đồng) Đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa BV đa khoa tỉnh (44,1 tỷ đồng); Đang đầu tư Trung tâm nội tiết tỉnh Quảng Ngãi (tổng mức đầu tư 50 tỷ đồng)
16	Dự án xây dựng các Khu dân cư để tái định cư phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại KKT Dung Quất	Đã đầu tư xây dựng hoàn thành 19 khu dân cư với tổng diện tích 130ha…
II	Dự án đầu tư từ nguồn vốn Trung ương và ngân sách địa phương	
1	Cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất mở rộng	Đã đầu tư nhiều công trình trên địa bàn KKT Dung Quất, trong đó, có thể kể đến các dự án: Dự án thành phần II đoạn Bình Long – cảng Dung Quất (giai đoạn 2) (446 tỷ đồng); Cầu Trà Bồng (trên tuyến Dốc Sỏi – Dung Quất) (287 tỷ đồng); Đường Trì Bình – Cảng Dung Quất (giai đoạn 1) (1.113 tỷ đồng); Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2) (278 tỷ đồng); Các tuyến đường trục vào KCN phía Đông (239 tỷ đồng); Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1 (146 tỷ đồng); Hệ thống thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải KCN Dung Quất phía Tây, giai đoạn 1 (122 tỷ đồng)…
2	Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đảo Lý Sơn theo hướng phát triển mạnh về kinh tế vững về quốc phòng - an ninh	- Đã đầu tư Dự án vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn 2) (401 tỷ đồng); - Đã đầu tư Dự án đường cơ động phía Đông nam đảo Lý Sơn (giai đoạn 2) (251 tỷ đồng); - Đã đầu tư Dự án hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn (22 tỷ đồng); - Đã đầu tư Dự án đường cơ động xung quanh đảo lớn, đảo bé kết hợp kè biển chống sạt lở; dự án các tuyến đê biển; - Đã đầu tư Dự án cảng Bến Đình (257 tỷ đồng); - Chuẩn bị đầu tư Dự án nâng cấp bệnh viện quân dân y kết hợp; Trung tâm y tế dự phòng (287 tỷ đồng); - Đã đầu tư Đường trung tâm huyện - xã An Hải (49 tỷ đồng); - Đã đầu tư Đường Cồn An Vĩnh - Ra đa tầm xa (148 tỷ đồng);
3	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Mỹ Khê	Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nối dài) 83 tỷ đồng; khu du lịch Mỹ Khê (56 tỷ đồng)
	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Đặng Thùy Trâm	Chưa đầu tư

TT	Tên dự án	Tiến độ thực hiện dự án
4	Ký túc xá sinh viên tỉnh Quảng Ngãi	Chưa đầu tư
6	Các công trình thủy lợi và hồ chứa các huyện	Đã đầu tư hoàn thành hồ chứa nước Cây Xoài (60 tỷ đồng); Đã đầu tư hoàn thành hồ chứa nước Lỗ Lá (40 tỷ đồng); Đang đầu tư hồ chứa nước Suối Đá (96 tỷ đồng); Đang đầu tư dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) (tổng mức đầu tư 337 tỷ đồng); Đã và đang tiếp tục đầu tư các công trình kênh mương, thủy lợi trên địa bàn tỉnh.
7	Xây dựng các cảng cá Sa Huỳnh, Sa Kỳ, Mỹ Á, Cổ Lũy	Đã đầu tư Cảng cá neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á, dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 10/2020 (tổng mức đầu tư 195 tỷ đồng, vốn ODA, dự án WB5) Đang triển khai đầu tư Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp Cảng cá Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1) (tổng mức 158 tỷ đồng)
8	Kè chống sạt lở ở đô thị, khu dân cư sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu	Kè chống sạt lở ở đô thị, KDC sông Trà Bồng (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Bình Sơn để thực hiện) Kè chống sạt lở ở đô thị, KDC sông Vệ (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tư Nghĩa để thực hiện)
9	Hạ tầng khu công nghiệp Tịnh Phong	Đã đầu tư dự án Chỉnh trang mặt tiền KCN Tịnh Phong (44 tỷ đồng); Đường số 3 KCN Tịnh Phong (36 tỷ đồng); hệ thống xử lý nước thải KCN Tịnh Phong (giai đoạn 1) (47 tỷ đồng); mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng, cấp thoát nước đường số 8, KCN Tịnh Phong (19 tỷ đồng); Đường số 6 KCN Tịnh Phong (26 tỷ đồng)
10	Hạ tầng khu công nghiệp Quảng Phú	
II	Dự án từ nguồn vốn địa phương	
1	Dự án đập dâng sông Trà Khúc	Đang triển khai đầu tư
2	Hạ tầng thành phố Quảng Ngãi	Đã triển khai đầu tư nhiều công trình, hạ tầng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi
3	Hạ tầng thị xã Đức Phổ	Đã triển khai đầu tư một số công trình, hạ tầng trên địa bàn thị xã Đức Phổ
4	Dự án đường Quảng Ngãi - Thạch Nham (ĐT 623B)	Đã đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án đường tỉnh lộ 623B Quảng Ngãi – Thạch Nham (giai đoạn 1) với tổng vốn 181 tỷ đồng; Đang tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 (167 tỷ đồng)
5	Dự án đường Quảng Ngãi - Minh Long	Đã đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi – Chợ Chùa (147 tỷ đồng)
6	Dự án đường Quảng Ngãi - Cổ Lũy	Đang đầu tư dự án Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xà
7	Dự án đường Quán Lát - Đá Chát	Nâng cấp tuyến đường ĐT624B (Quán Lát – đá Chát) từ km0-km8)

TT	Tên dự án	Tiến độ thực hiện dự án
8	Đường bờ Bắc và bờ Nam sông Trà Khúc	Đã triển khai đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng tuyến đường Mỹ Trà – Mỹ Khê (bờ Bắc); Đã triển khai đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng tuyến đường bờ Nam sông Trà Khúc (1.000 tỷ đồng)
9	Dự án Khu liên hợp thể dục - thể thao tỉnh	Đã bố trí vốn năm 2020 để triển khai đầu tư
10	Dự án khu hành chính tập trung	Chưa đầu tư, đang rà soát lại theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng
11	Dự án Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu niên tỉnh	Đã đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng
12	Hạ tầng các cụm công nghiệp	Đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp và đường dẫn vào một số cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh
13	Hạ tầng chợ 14 huyện, thành phố của tỉnh	Đã đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng chợ tỉnh; Đã và đang đầu tư một số chợ theo hình thức xã hội hóa (chợ Tịnh Hà, Sa Huỳnh, Đức Phổ,...)
C	**CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ**	
I	**Lĩnh vực hạ tầng các khu công nghiệp**	
1	Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Phổ Phong	Chưa đầu tư. Mới chỉ đầu tư đoạn đường dẫn vào KCN Phổ Phong
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng, khu dân cư, kinh doanh địa ốc,... tại thành phố Vạn Tường - Khu kinh tế Dung Quất	Đã bố trí vốn Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường (tổng mức đầu tư 397 tỷ đồng); Đang thực hiện dự án Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các KDC trong đô thị Vạn Tường) (tổng mức đầu tư 61 tỷ đồng) Thu hút các dự án đầu tư
II	**Lĩnh vực công nghiệp**	
1	Dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất lên 10 triệu tấn/năm	Chưa đầu tư
2	Dự án Nhà máy sản xuất cao su tổng hợp 40.000 tấn/năm	Chưa đầu tư
3	Dự án Nhà máy sản xuất than đen (Carbon black) 350.000 tấn/năm	Chưa đầu tư
4	Dự án Nhà máy sản xuất chất tẩy rửa công nghiệp (LAB) 80.000 tấn/năm	Chưa đầu tư
5	Dự án Nhà máy sản xuất sợi Polyester 45.000 tấn/năm	Chưa đầu tư
6	Dự án Nhà máy sản xuất Styrene Monomer 210.000 tấn/năm	Chưa đầu tư
7	Dự án Nhà máy sản xuất dầu nhờn 50.000 tấn/năm	Chưa đầu tư
8	Dự án Nhà máy sản xuất động cơ Diesel 30-50 mã lực (2,3,4 xi lanh)	Chưa đầu tư

TT	Tên dự án	Tiến độ thực hiện dự án
9	Dự án Nhà máy chế tạo thiết bị cần cẩu siêu trường, siêu trọng	Doosan VINA
10	Dự án Nhà máy sản xuất tấm lợp cốt sợi hữu cơ 10 triệu m2/năm	Chưa đầu tư
11	Dự án xây dựng các Nhà máy chế tạo công nghệ cao về điện tử, thông tin, sinh học phục vụ cho nông nghiệp,...	Một số dự án đầu tư vào KCN VSIP
III	**Lĩnh vực dịch vụ, du lịch**	
1	Dự án Trung tâm thương mại Đức Phổ	Thu hút đầu tư
2	Dự án Trung tâm thương mại Vạn Tường	Thu hút đầu tư
3	Dự án Trung tâm Triển lãm, Hội chợ Quảng Ngãi	Chưa đầu tư
4	Khu du lịch sinh thái Cà Đam - Hồ Nước Trong	Chưa đầu tư
5	Khu du lịch sinh thái và tắm bùn khoáng Nghĩa Thuận	Đã thực hiện hoàn thành và khai thác tháng 12/2018
6	Khu du lịch đảo Lý Sơn	Đã thu hút đầu tư nhiều dự án du lịch trên địa bàn huyện đảo (các hệ thống khách sạn, nhà hàng); cảng Bến Đình...
7	Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ logistics cho hàng xuất - nhập khẩu	Đã cấp phép đầu tư cảng Hào Hưng và đưa vào hoạt động (711 tỷ đồng) Đã cấp phép đầu tư bến cảng tổng hợp container Hòa Phát – Dung Quất (3.774 tỷ đồng)
8	Khu du lịch và phim trường Vina - Universal Đức Phổ	Dừng đầu tư

2. Các quy hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp

2.1. Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

a) Các dự án đầu tư công đã triển khai, gồm:

- Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ môi trường cảnh quan Dung Quất giai đoạn 2011-2020.

- Dự án trồng rừng phòng hộ cảnh quan môi trường huyện Lý Sơn (điều chỉnh bổ sung).

b) Các dự án sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công đã triển khai thực hiện, gồm:

- Dự án trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Dự án trồng rừng ngập mặn ven biển các xã: Bình Phước, Bình Đông và Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

c) Các dự án chưa triển khai thực hiện:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía đông thành phố Quảng Ngãi (hạng mục cây chắn sóng). Đã phê duyệt nhưng vướng mắc trong việc thực hiện đền bù.

- Dự án đầu tư, hỗ trợ bảo vệ rừng và phát triển rừng phòng hộ các xã ven biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020. Lý do giai đoạn 2016-2020, kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp nghiệp trung ương bố trí theo chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 nên chuyển sang lập kế hoạch hàng năm theo quy định của Chương trình.

- Dự án đầu tư Trồng mới rừng phòng hộ ven biển và cảnh quan môi trường tại huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2021; Dự án trồng rừng ngập mặn ven biển các huyện Đức Phổ, Tư Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2021. Lý do 02 dự án này thuộc Đề án Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015 – 2020, Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015, kinh phí thuộc ngân sách Trung ương bố trí, tuy nhiên đến nay Trung ương chưa bố trí kinh phí.

d) Các dự án đã đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường:

- Về kinh tế: Các dự án đem lại cho người dân có việc làm và thu nhập hàng năm thông qua hoạt động chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản dưới tán rừng ổn định cho một bộ phận dân cư, thu hút người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng ven biển. Việc trồng rừng chắn sóng bảo vệ đê đã được chứng minh là giải pháp tiết kiệm, bền vững, làm giảm chi phí tu bổ đê điều hàng năm. Tạo cảnh quan hấp dẫn cho vùng ven biển, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, du lịch biển, tắm biển, du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường từ đó tăng thu nhập cho ngành du lịch, lâm nghiệp và người dân sinh sống ven biển.

- Về xã hội: Ổn định được đời sống vật chất, tinh thần của người dân, góp phần hạn chế những tiêu cực phát sinh trong đời sống xã hội do thiếu việc làm gây ra như khai thác, săn bắt động thực vật trái phép và các tệ nạn xã hội nảy sinh khác. Giảm tác hại của thiên tai đối với đời sống người dân, góp phần ổn định đời sống xã hội, quốc phòng, an ninh vùng bờ biển. Nâng cao nhận thức của các tầng lớp xã hội về giá trị sinh thái và vai trò của rừng phòng hộ ven biển, ý thức phòng chống thiên tai, ý thức ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Về môi trường: Độ che phủ của rừng tăng lên, vai trò lá phổi xanh của rừng được đảm bảo góp phần giảm thiểu những tác động của thiên tai gây ra; Bảo vệ các công trình trọng điểm của tỉnh, các hồ đập thủy lợi, thủy điện, hệ thống đê kè, giao thông, các khu dân cư. Góp phần tạo cảnh quan môi trường các khu đô thị, cải thiện môi trường các khu công nghiệp, khu du lịch sinh thái.

- Bảo tồn đa dạng sinh học, tăng nguồn lợi thủy hải sản; hạn chế tác động của gió bão, nước biển dâng; tạo những nơi trú ẩn, neo đậu tàu thuyền an toàn cho các ngư dân đánh bắt thủy sản trước các mối đe dọa của thiên tai; hạn chế

hiện tượng xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền; cố định một lượng lớn Cacbon nhằm giảm phát thải khí nhà kính; tạo cảnh quan sinh thái, du lịch, dịch vụ môi trường rừng.

2.2. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011-2020

a) Các dự án đầu tư công đã và đang triển khai, gồm:

- Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ; thời gian thực hiện giai đoạn 2011-2020, dự kiến chuyển tiếp sau năm 2021.

- Dự án phát triển rừng sản xuất theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015. Năm 2011, thực hiện hỗ trợ trồng rừng sản xuất với diện tích 200 ha, tổng kinh phí hỗ trợ theo vốn đầu tư công là 658 triệu đồng tại Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 13/9/2011của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các dự án sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công đã triển khai thực hiện, gồm: (1) Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA2); thời gian thực hiện giai đoạn 2012-2021 (vốn vay JICA); (2) Dự án Trồng rừng kinh tế theo lô đến hộ gia đình (Dự án WB3): thời gian thực hiện giai đoạn 2005-2015 (vốn IDA); (3) Đề án Chi trả dịch vụ môi trường rừng; (4) Phương án giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy CNQSD đất; (5) Dự án rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng; (6) Chương trình hỗ trợ đào tạo khuyến lâm và nghiên cứu đổi mới cơ chế chính sách lâm nghiệp; (7) Rà soát đánh giá thực trạng công nghiệp chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh để định hướng quy hoạch công nghiệp chế biến và vùng nguyên liệu; (8) Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng các huyện đến 2020: UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức lập và triển khai thực hiện cấp huyện.

c) Các dự án chưa triển khai thực hiện: Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2011-2015 cấp huyện (13 huyện). Lý do kinh phí sự nghiệp bố trí cho bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh cho UBND cấp huyện, kinh phí bố trí cho các biện pháp lâm sinh (trồng rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng,...) ngân sách bố trí còn rất hạn chế

d) Các dự án đã đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường:

- Giúp người dân chuyển đổi từ trồng rừng quản canh sang trồng rừng thâm canh theo đúng thiết kế kỹ thuật của dự án, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Giải quyết được việc làm cho nhiều lao động

- Thực hiện giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy CNQSD đất, hầu hết đất rừng trên địa bàn tỉnh đã thực sự có chủ, chủ rừng yên tâm sản xuất, đầu tư lâu dài trên diện tích đất được giao, cho thuê theo quy định.

- Diện tích rừng được quy hoạch ổn định, hạn chế tác động tiêu cực đến diện tích rừng, góp phần nâng cao và duy trì ổn định độ che phủ rừng đến năm 2020 là 52%; Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ đất, chống xói mòn rửa trôi,

chống sa mạc hóa góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững.

2.3. Quy hoạch chế biến gỗ gắn với gắn với vùng nguyên liệu tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

a) Các dự án được đầu tư từ ngân sách nhà nước đã triển khai, gồm: (1) Quy hoạch hệ thống rừng giống, vườn ươm đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; (2) Hỗ trợ xây dựng chứng chỉ rừng FSC, COC, PEFC và xây dựng thương hiệu gỗ và sản phẩm từ gỗ của tỉnh Quảng Ngãi; (3) Đầu tư hỗ trợ vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn giai đoạn 2016-2020

b) Các dự án chưa triển khai thực hiện

- Hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến gỗ vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Lý do: Chưa xây dựng được dự án hỗ trợ.

- Đầu tư hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Lý do: Chưa xây dựng được dự án đầu tư hỗ trợ.

2.4. Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030

a) Các dự án đầu tư công đã triển khai, gồm: (1) Dự án Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1); (2) Dự án Cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Mỹ Á (giai đoạn II); (3) Dự án Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (giai đoạn II); (4) Dự án Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ; (5) Dự án Xây dựng khu bảo tồn biển Lý Sơn.

b) Các dự án sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công đã triển khai thực hiện, gồm: (1) Đóng mới tàu cá vỏ thép, vỏ vật liệu mới; (2) Đóng mới tàu cá vỏ gỗ; (3) Đầu tư cơ sở đóng, sửa tàu cá có khả năng sửa chữa tàu vỏ thép và đóng mới tàu composite; (4) Nâng cấp và đổi mới công nghệ các nhà máy chế biến; (5) Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh; (6) Hỗ trợ trang bị thông tin kết hợp xác định vị trí tàu trên biển; (7) Hỗ trợ ngư dân đánh bắt vùng biển xa; (8) Quan trắc, cảnh báo môi trường và dịch bệnh; (9) Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản, tính đa dạng sinh học cho cộng đồng cư dân ven biển; (10) Điều tra, đánh giá trữ lượng nguồn lợi thủy sản vùng biển vùng biển ven bờ và vùng nước nội địa để xác định khả năng cho phép khai thác bền vững và phục vụ công tác quản lý, dự báo ngư trường; (11) Tái tạo nguồn lợi thủy sản ở một số thủy vực tự nhiên có điều kiện, một số loài thủy sản bản địa, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao; (12) Nhân rộng mô hình nuôi lươn kết hợp với làm vườn; (13) Dự án nuôi ghép tôm với cá rô phi; (14) Nghiên cứu, xây dựng quy trình chế biến sản phẩm mực xà nội địa và xuất khẩu.

c) Các dự án chưa triển khai thực hiện:

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khai thác thủy sản ven bờ: Chính sách

này đã được xây dựng, dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua vào kỳ họp đầu năm 2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch Covid 19, ngân sách tỉnh khó khăn nên tạm thời chưa thông qua chính sách này, do vậy chưa hỗ trợ được việc chuyển đổi nghề khai thác bền vững.

- Xây dựng hạ tầng vùng nuôi tôm tập trung xã Nghĩa Hòa: Chưa cân đối được nguồn vốn để bố trí.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải nuôi tôm trên cát Đức Phong: Chưa cân đối được nguồn vốn để bố trí.

- Xây dựng hạ tầng vùng nuôi tôm tập trung xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ: Đã quyết định chủ trương cho Doanh nghiệp tư nhân đầu tư.

- Quy hoạch chi tiết vùng nuôi thủy sản các địa phương (tôm, cua, cá, ...): không thực hiện vì theo Luật Quy hoạch, không quy hoạch chi tiết ở địa phương.

- Nâng cấp trại sản xuất giống thủy sản nước lợ tập trung tại xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ: Chưa cân đối được nguồn vốn để bố trí.

- Nâng cấp Trại thực nghiệm sản xuất giống thủy sản tại xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ: Chưa cân đối được nguồn vốn để bố trí.

- Tổ chức điều tra cơ cấu nghề trong lĩnh vực khai thác thủy sản để từng bước giảm dần các nghề khai thác mang tính xâm hại môi trường sinh thái biển: hàng năm đã có báo cáo thống kê về cơ cấu nghề khai thác nên không thực hiện tổ chức điều tra.

- Xây dựng và công bố danh mục các đối tượng thủy sản cấm khai thác, cấm khai thác có thời hạn; các vùng cấm khai thác, cấm khai thác có thời hạn: Chưa xây dựng.

- Thiết lập các rạn nhân tạo, khôi phục rừng ngập mặn làm nơi sinh trưởng, sinh sản các loài thủy sản có giá trị: Chưa có kinh phí để thực hiện.

- Tăng cường năng lực cho lực lượng tuần tra bảo vệ nuôi trồng thủy sản (đóng 01 chiếc tàu kiểm ngư): Chưa cân đối được nguồn vốn để bố trí.

- Xây dựng mô hình chuỗi SXKD thủy sản: KT (NTTS) - CB - Tiêu thụ TS: Chưa xây dựng.

- Nghiên cứu thiết kế cải tiến mẫu tàu khai thác của Quảng Ngãi: Do đặc thù nghề cá Quảng Ngãi với đa dạng ngành nghề, chủng loại, kích cỡ tàu nên không thể xây dựng thiết kế mẫu áp dụng chung ở địa phương.

- Nghiên cứu ứng dụng quy trình kỹ thuật sản xuất giống thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế cao (cá lăng, bống tượng,..): Chưa được chuyển giao công nghệ.

- Nghiên cứu xây dựng quy trình chế biến sản phẩm hải sâm nội địa và xuất khẩu: Chưa cân đối được nguồn vốn để bố trí.

3. Các quy hoạch thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

3.1. Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Quảng Ngãi đến năm

2020, định hướng đến năm 2025

Tính đến thời điểm hiện tại, quy hoạch đã và đang triển khai thực hiện 09 dự án đầu tư công và chưa triển khai 07 dự án, cụ thể theo bảng dưới đây:

Bảng 3: Tình hình thực hiện các dự án ưu tiên của quy hoạch thuộc lĩnh vực văn hóa

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ	Ghi chú
I	**CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI**					
A	Các dự án thực hiện Giai đoạn 2011-2015					
1	Bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích khảo cổ Sa Huỳnh	Đức Phổ	2 ha	34	Đã hoàn thành	
2	Khu lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng (Giai đoạn 2)	Mộ Đức	5 ha	36,5	Đã hoàn thành	
3	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc và luyện tập Đoàn Ca múa nhạc Dân tộc tỉnh	Tp. Quảng Ngãi	1.958m^2	10,1	Đã hoàn thành	
4	Tôn tạo và nâng cấp mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng	TP Quảng Ngãi	0,7 ha	8,5	Đang triển khai thực hiện dự án	
B	Các dự án thực hiện giai đoạn 2016-2020					
1	Xây dựng và phát huy quần thể Di tích khởi nghĩa Trà Bồng	Trà Bồng	1,5ha	50	Đã thực hiện	Chỉnh lý trưng bày hiện vật, các điểm di tích
2	Xây dựng và phát huy quần thể di tích chiến thắng Vạn Tường	Bình Sơn	2 ha	50	Đã tôn tạo	
3	Bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Trường Lũy	8 huyện của tỉnh	Khoảng 101km	70	- Đang làm hồ sơ đặc biệt; - Xây dựng bia	
4	Xây dựng Hồ sơ Di sản văn hóa phi vật thể Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại	Lý Sơn		3	Tổ chức hàng năm	
5	Xây dựng Hồ sơ Di sản văn hóa phi vật thể Hát Sắc Bùa là di sản văn hóa phi vật thể cần	Một số huyện thị có liên quan			Thực hiện hàng năm	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ	Ghi chú
	được bảo vệ khẩn cấp					
II	**CÁC DỰ ÁN TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH CHƯA TRIỂN KHAI**					
A	Các dự án thực hiện Giai đoạn 2011-2015					
1	Trùng tu, tôn tạo di tích Quốc gia kiến trúc nghệ thuật Chùa Ông	Tư Nghĩa	0,9 ha	13,7		Chưa có kinh phí đầu tư
2	Xây dựng Bảo tàng Lịch sử Hoàng Sa, Trường Sa	Lý Sơn	1,5ha – 2ha	115		Chưa có kinh phí đầu tư
B	Các dự án thực hiện giai đoạn 2016-2020					
1	Tượng đài Bác Phạm Văn Đồng	Tp. Quảng Ngãi	1ha	20		Chưa có chủ trương đầu tư
2	Trung tâm Văn hóa đa năng	TP. Quảng Ngãi	2ha	200		Có chủ trương chủ đầu tư nhưng chưa tìm được địa điểm xây dựng
3	Xây dựng Trường Cao đẳng VHTTDL	TP.Quảng Ngãi	5ha	200		Chưa có chủ trương đầu tư
4	Xây dựng Bảo tàng Lịch sử Hoàng Sa, Trường Sa	Lý Sơn	1,5ha – 2ha	115		Chưa có kinh phí đầu tư
5	Xây dựng và phát huy Di tích Ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Trung Bộ	Nghĩa Hành	1 ha	50		Chưa có kinh phí đầu tư

3.2. Quy hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025:

Quy hoạch đã triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế thể thao cơ sở các cấp trên địa bàn tỉnh và dự án Nhà thi đấu đa năng tỉnh, cụ thể như sau:

Bảng 4: Tình hình thực hiện dự án ưu tiên đầu tư của quy hoạch thuộc lĩnh vực thể thao

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ
1	Dự án Khu Liên hợp	Tp. Quảng Ngãi	742,4	Đang thực hiện

	Thể dục Thể thao			
2	Dự án Nhà thi đấu đa năng tỉnh	Tp. Quảng Ngãi	55	Đã hoàn thành
3	Dự án đầu tư xây dựng các thiết chế TDTT của các địa phương	Các huyện, thị trong tỉnh	480 (chia thành 3 giai đoạn)	Toàn tỉnh có 275 công trình thể thao các loại đang hoạt động

3.3. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Tính đến thời điểm hiện tại, quy hoạch đang triển khai thực hiện các dự án có nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công, cụ thể dưới bảng sau:

Bảng 5: Các dự án ưu tiên đầu tư đang được triển khai có nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công của quy hoạch thuộc lĩnh vực du lịch

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tổng vốn đăng ký (triệu đồng)
1	Khu du lịch sinh thái Thiên Đàng	Công ty CP đầu tư phát triển Nam Quảng Nam	Khu công nghiệp phía Tây	107,00	199.990
2	Làng du lịch Vịnh Nho Na (Nho Na Bay Eden)	Công ty Cổ phần BlackSoil Việt Nam	KĐT Vạn Tường	16,00	70.000
3	Khu đô thị Du lịch sinh thái FLC Quảng Ngãi	Công ty CP tập đoàn FLC	KĐT Vạn Tường	19,40	3.350.500
4	Khu du lịch sinh thái Vạn Tường 09	Công ty CP tập đoàn FLC & Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh bất động sản An Lộc	KĐT Vạn Tường	12,90	1.199.856
5	Khu du lịch sinh thái Vạn Tường 10	Công ty CP tập đoàn FLC & Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển quốc tế Đại Phát	KĐT Vạn Tường	9,04	1.486.064
6	Khu du lịch sinh thái Vạn Tường 11	Công ty CP tập đoàn FLC & Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Vạn Tường	KĐT Vạn Tường	12,30	1.356.975
7	Khu du lịch sinh thái Vạn Tường 12	Công ty CP tập đoàn FLC & Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hải Bình	KĐT Vạn Tường	28,00	1.508.253
8	Khu du lịch Casa Marina Bay	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tuấn Tú	KĐT Vạn Tường	1,30	97.730
9	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng	Công ty CP trường Quốc tế EduViet			

TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tổng vốn đăng ký (triệu đồng)
	Bình Hải				
10	Khu phức hợp: chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ hành - tỏi và du lịch sinh thái thiên đường tỏi Lý Sơn	Công ty CP đầu tư và phát triển Lý Sơn	Lý Sơn	3,20	388.834
11	Khu du lịch biển Mỹ Khê	Công ty CP Biệt thự nghĩ dưỡng Mỹ Khê	TP Quảng Ngãi	23,52	824.000
12	Tổ hợp du lịch văn hóa di sản Lý Sơn	Công ty CP đầu tư phát triển Anh Thu	Lý Sơn	3,10	93.500
13	Khu du lịch nghỉ dưỡng King Bay Sa Huỳnh	Công ty CP đầu tư bất động sản và du lịch quốc tế King Bay	Đức Phổ	96,90	1.000.000

Ngoài ra, Quy hoạch đang triển khai các dự án có nguồn vốn ngân sách thường xuyên được thực hiện hàng năm gồm: phát triển nguồn nhân lực; xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Quảng Ngãi; hỗ trợ phát triển tài nguyên, cải tạo môi trường du lịch.

4. Quy hoạch thuộc lĩnh vực điện lực, công nghiệp, thương mại, khoáng sản (trừ khoáng sản làm VLXD và sản xuất xi măng)

4.1. Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035

a) Về nguồn điện: Quy hoạch đã, đang và sẽ đầu tư các dự án nguồn điện gồm: 28 dự án thủy điện, 02 dự án điện mặt trời,03 dự án điện khí. Trong đó 11 dự án đang vận hành phát điện (09 dự án thủy điện và 02 dự án điện mặt trời); 10 dự án thủy điện đang thi công xây dựng; 09 dự án thủy điện đang làm thủ tục đầu tư xây dựng và 03 dự án điện khí đã có Quyết định chủ trương đầu tư.

b) Về lưới điện truyền tải

- Lưới điện tỉnh Quảng Ngãi được liên kết chặt chẽ với lưới điện khu vực. Nguồn cung cấp điện trên địa địa bàn tỉnh qua trạm 500kV - 450MVA Dốc Sỏi và 04 trạm biến áp 220kV là: trạm Dốc Sỏi 220/110kV - (2x125)MVA, trạm Dung Quất 220/110kV - 2x250MVA được cấp điện từ đường dây 220kV Dốc Sỏi - Dung Quất, 2 mạch, chiều dài 9,27km, trạm Quảng Ngãi 220/110kV – 2x125MVA được cấp điện từ đường dây 220kV mạch kép Dốc Sỏi - Quảng Ngãi dài 59,2km (treo dây 1 mạch) và trạm 220kV/110kV - 2x125MVA Sơn Hà thu gom công suất thủy điện (đấu nối đường dây 2 mạch 220kV Dốc Sỏi - Sơn Hà chiều dài 47 km); đường dây mạch kép 220kV đấu nối Dốc Sỏi - Tam Kỳ, trạm 220kV Tam Kỳ đấu nối vào thủy điện Sông Tranh và kết nối tới trạm 500kV Đà Nẵng nên có độ tin cậy và an toàn cung cấp điện rất cao, nguồn cung cấp điện luôn được đảm bảo.

Ngoài ra ngành điện đang thực hiện đầu tư dự án Đường dây 500kV Vũng Án - Dốc Sỏi đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi dài 11,284 km; Đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku dài 85,011 km; Nâng công suất trạm biến áp 500kV Dốc Sỏi dự kiến hoàn thành trong năm 2020 sẽ đảm bảo nguồn cung cấp điện, nâng cao độ tin cậy cấp điện cho tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận trong khu vực.

Lưới 110kV hiện có: tổng chiều dài 290 km và 13 trạm biến áp 110kV với tổng dung lượng là 875MVA. Đối với khu vực miền núi như Ba Tơ, Trà Bồng đều nhận nguồn cung cấp từ các đường dây 35kV độc đạo, xa các trạm 110kV và đi qua nhiều khu vực rừng núi nên độ tin cậy cung cấp điện thấp. Theo quy hoạch, trong giai đoạn 2021-2025 ngành điện sẽ xây dựng các trạm 110KV thay thế các trạm trung gian 35kV để đảm bảo độ tin cậy cấp điện cho các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

Tình hình thực hiện các dự án của quy hoạch theo bảng dưới đây:

Bảng 6: Tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư của quy hoạch ngành điện

TT	Hạng mục công trình	Theo Quy hoạch		Thực tế thực hiện	
		Khối lượng (km/MVA)	Tiến độ	Khối lượng (km/MVA)	Thời gian hoàn thành
I	CÔNG TRÌNH 220KV				
1	Xây dựng mới TBA 220kV Sơn Hà	2x125	2016	2x125	2017
2	Nâng công suất TBA 220kV Dốc Sỏi	125	2016	125	2016
3	Nâng công suất TBA 220kV Dung Quất	250	2014	250	2019
4	Nâng công suất TBA 220kV Quảng Ngãi	125	2018	125	2018
5	Xây dựng mới đường dây 220KV Thượng KonTum - Quảng Ngãi	76,4	2018	76,4	2020
6	Xây dựng mới đường dây 220kV Quảng Ngãi - Phước An (Bình Định)	37	2017	37	2020
II	CÔNG TRÌNH 110KV				
	Xây dựng mới TBA 110kV				
1	VNT	25	2017		Chưa thực hiện
2	Bình Nguyên	25	2017	25	2019
3	Mỹ Khê	25	2018	-	Chưa thực hiện
4	Nghĩa Hành	25	2018	-	Chưa thực hiện
5	VSIP	40	2019	40	2019
6	Sơn Hà	25	2017		2019
7	Thép Hòa Phát	2x100	2018	2x100	2018
8	Thủy điện Sơn Tây	2x15	2017	2x15	2019

TT	Hạng mục công trình	Theo Quy hoạch		Thực tế thực hiện	
		Khối lượng (km/MVA)	Tiến độ	Khối lượng (km/MVA)	Thời gian hoàn thành
9	Thủy điện Sơn Trà 1A, 1B	4x15	2018,2019	4x15	2018
10	Thủy điện Đăk Ba	2x18	2018		Chưa thực hiện
	Cải tạo, nâng công suất TBA 110kV				
1	Quảng Phú	40	2017	40	2017
2	Tịnh Phong	40	2016	40	2016
	Xây dựng mới đường dây 110kV				
1	Dung Quất - VNT	1x5	2017	-	Chưa thực hiện
2	Dốc Sỏi - Bình Nguyên	2x2,7	2017	2x2,7	2019
3	Nhánh rẽ Mỹ Khê	2x7	2018	-	Chưa thực hiện
4	Quảng Ngãi - Nghĩa Hành	2x20	2018	-	Chưa thực hiện
5	Nhánh rẽ VSIP	2x1	2019	2x1	2019
6	Dung Quất - Thép Hòa Phát	2x5	2018	2x5	2018
7	TĐ ĐăkRe - Quảng Ngãi	1x60	2017	1x60	2019
8	TĐ Sơn Tây - Đăkdrinh	1x0,5	2017	1x0,5	2019
9	TĐ Sơn Trà 1A,1B - Sơn Hà	1x25	2018	1x25	2018
10	TĐ Đăk Ba - Sơn Hà	1x20	2018	-	Chưa thực hiện
	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV				
1	Trạm biến áp 220 kV Quảng Ngãi - Núi Bút (2018)	2x31,2	2017	2x31,2	2018
2	Trạm biến áp 220 kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan(2018)	2x55	2017	2x55	2018

4.2. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

Tính đến thời điểm hiện tại, quy hoạch đã thực hiện 461 dự án với tổng vốn đầu tư với tổng vốn đầu tư 177.487 tỷ đồng; trong đó, có 427 dự án đầu tư trong nước - tổng vốn đầu tư 159.021 tỷ đồng, 34 dự án FDI - 18.466 tỷ đồng (tương đương 807 triệu USD). Trong đó: Khu kinh tế Dung Quất và các KCN: 167 dự án, tổng vốn đầu tư ước tính 150.655 tỷ đồng (tương đương 6,6 tỷ USD). Ngoài KKT, KCN tỉnh: 296 dự án, tổng vốn đầu tư 27.038 tỷ đồng.

Một số dự án đầu tư trong giai đoạn 2016-2020:

- Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất và các dự

án phụ trợ cho dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất như: Nhà máy tách và hoá lỏng khí công nghiệp, Nhà máy sản xuất hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất...

- Công nghiệp da giày, dệt may,....tại các CCN và KCN VSIP như: Công ty TNHH Millennium Furniture (bọc nệm ghế); Cty TNHH ShengYang (Vnam) Textile (sợi bông); Công ty TNHH Properwel Việt Nam (giày); Cty TNHH Southsea Leatherwares VN (túi xách),...

- Công nghiệp điện:

+ 02 Nhà máy điện mặt trời đang hoạt động gồm: Nhà máy điện mặt trời Mộ Đức-19,2 MWp, tổng mức đầu tư 600,833 tỷ đồng và Nhà máy điện mặt trời Bình Nguyên- 49,6 MWp, tổng mức đầu tư 1.138 tỷ đồng.

+ Dự án Nhà máy nhiệt điện tua bin khí hỗn hợp Dung Quất II - 750MW do Công ty Sembcorp - Singapore làm chủ đầu tư, hiện đang đàm phán hợp đồng BOT; dự án nhà máy nhiệt điện tua bin khí hỗn hợp Dung Quất I và III (công suất mỗi nhà máy 750MW) do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. Hiện nay chủ đầu tư đang thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

4.3. Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012 - 2015 và định hướng đến năm 2020

Tính đến thời điểm hiện tại, quy hoạch đã triển khai thực hiện các dự án sau:

- Chợ: Hiện tại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 146 chợ đang hoạt động, đạt 77,25% so với tổng số chợ quy hoạch đến năm 2020 (189 chợ); trong đó có 03 chợ hạng 1, 10 chợ hạng 2 và 133 chợ hạng 3. Đến nay có 06 chợ do doanh nghiệp quản lý, 11 chợ do hợp tác xã quản lý và 04 dự án chợ đã được UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Siêu thị: Tại thời điểm quy hoạch năm 2012 trên địa bàn tỉnh có 07 siêu thị, đến nay trên địa bàn tỉnh có 08 siêu thị đạt 27,6% so với tổng số siêu thị quy hoạch đến năm 2020 (29 siêu thị); trong đó có 02 siêu thị hạng I, 01 siêu thị hạng II và 05 siêu thị hạng III.

- Trung tâm thương mại: Tại thời điểm quy hoạch trên địa bàn tỉnh chưa có trung tâm thương mại, đến nay trên địa bàn tỉnh có 02 trung tâm thương mại hạng III, đạt 200% so với tổng số trung tâm thương mại quy hoạch đến năm 2020 (01 trung tâm thương mại).

- Trung tâm hội chợ triển lãm, Trung tâm logistics: Quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh phát triển mới 01 trung tâm hội chợ triển lãm và 02 trung tâm logistics, đến nay trên địa bàn tỉnh vẫn chưa có trung tâm hội chợ triển lãm và Trung tâm logistics.

4.4. Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm VLXD và sản xuất xi măng) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020

Tính đến thời điểm hiện tại, quy hoạch đã thực hiện đầu tư 02 dự án đi vào hoạt động và có hiệu quả kinh tế, gồm: Dự án khai thác khoáng sản và dự án chế biến khoáng sản của Nhà máy nước khoáng Thạch Bích thuộc Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi.

5. Quy hoạch thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông

5.1. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020

Tính đến thời điểm hiện tại, quy hoạch đã thực hiện 04 dự án đầu tư công. Các dự án này đã đi vào hoạt động và có hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

Bảng 7: Các dự án đầu tư công và đi vào hoạt động có hiệu quả của quy hoạch thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin thực hiện

TT	Dự án	Kế hoạch và tiến độ thực hiện	Hiệu quả KTXH
1	Xây dựng Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh Quảng Ngãi	Đã thực hiện hoàn thành và vận hành từ năm 2012 (4,3 tỷ đồng)	Phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, của lãnh đạo các cấp và cung cấp thông tin tình hình phát triển kinh tế - xã hội; vấn đề an ninh-quốc phòng; hình ảnh thiên nhiên và con người Quảng Ngãi.
2	Xây dựng 12 Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi	Thực hiện hoàn thành năm 2015 (6,5 tỷ đồng)	Xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong các CQNN và nâng cao năng lực quản lý, tăng cường phục vụ người dân và doanh nghiệp.
3	Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (DataCenter)	Thực hiện hoàn thành và đưa vào vận hành từ năm 2017 (17 tỷ đồng)	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật CNTT hiện đại, đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin và đáp ứng các nhu cầu phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử.
4	Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025	Thời gian thực hiện: 2019-2021. Hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào vận hành từ tháng 6/2020 (25 tỷ đồng)	Đầu tư các thiết bị ATTT hiện đại, giải pháp công nghệ tiên tiến và quản lý qua môi trường mạng; thực hiện quản trị tập trung tại TTDL tỉnh và theo dõi, tổng hợp các sự cố an toàn, an ninh thông tin trong cơ quan nhà nước các cấp (đến cấp xã).

5.2. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Tính đến thời điểm hiện tại, quy hoạch đã và đang thực hiện 06 dự án đầu tư công. Cụ thể theo bảng dưới đây:

Bảng 8: Danh mục các dự án đầu tư công đã và đang thực hiện của quy hoạch thuộc lĩnh vực hạ tầng viễn thông thụ động

TT	Danh mục	Kế hoạch và tiến độ thực hiện	Hiệu quả kinh tế xã hội
1	Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia	Thực hiện theo chế độ mật	
2	Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ	Đã và đang tiếp tục thực hiện	
3	Cột cáp treo, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm để lắp đặt cáp	Đã và đang tiếp tục thực hiện	Đảm bảo treo các loại cáp đúng quy định, đảm bảo mỹ quan đô thị, an toàn cho người dân, an toàn trong quản lý vận hành lưới điện và an toàn thông tin liên lạc
4	Cột anten, trạm thu phát sóng thông tin di động	Đã và đang tiếp tục thực hiện	Tăng cường vùng phủ sóng, tăng dung lượng kết nối, phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân, tổ chức, tạo điều kiện phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn tỉnh
5	Hạ tầng truyền dẫn phát sóng	Đã và đang tiếp tục thực hiện	Cung cấp đầu thu truyền hình số mặt đất, truyền hình số vệ tinh cho hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn toàn tỉnh nhằm đảm bảo cho nhân dân xem truyền hình khi thực hiện ngừng phát sóng truyền hình analog trên địa bàn tỉnh, đảm bảo 80-90% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh thu xem được truyền hình số mặt đất
6	Điểm phát sóng internet không dây	2016-2020	

Hiện tại, dịch vụ thông tin và truyền thông trong giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng ổn định, doanh thu phát sinh trên địa bàn tỉnh chủ yếu vẫn là dịch vụ viễn thông. Tổng số thuê bao điện thoại đạt 964.900 thuê bao: Trong đó điện thoại cố định 14.862 thuê bao; thuê bao di động đạt 950.038 thuê bao; Internet băng rộng cố định đạt 151.379 thuê bao; băng rộng di động đạt 534.506 thuê bao.

Các doanh nghiệp viễn thông đã tập trung đầu tư xây dựng 3057 trạm phát sóng thông tin di động (bao gồm trạm 2G, 3G, 4G), hạ tầng băng rộng đến xã, thôn (gồm băng rộng di động 3G, 4G và băng rộng cố định), tăng tỷ lệ phủ sóng 3G, 4G đạt khoảng 85% khu vực dân cư của tỉnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và thông tin liên lạc.

5.3. Quy hoạch phát triển ngành xuất bản, in, phát hành đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025

- Tình hình thực hiện các dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước như sau:

Bảng 9: Tình hình thực hiện các dự án của quy hoạch ngành xuất bản, in, phát hành

TT	Danh mục	Kế hoạch và tiến độ thực hiện	Ghi chú
1	Xây dựng kho lưu chiểu điện tử	Do vướng mắc trong quá trình khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện không khả quan và chưa đồng nhất trong việc xây dựng kho dữ liệu phục vụ công tác số hóa nên dừng triển khai.	
2	Xây dựng thư viện điện tử tỉnh	Thư viện tổng hợp tỉnh thực hiện đầu tư; đã hoàn thành việc số hóa tài liệu, sách điện tử; vận hành phục vụ nhu cầu tìm kiếm sách, tài liệu trên môi trường mạng tại thư viện	Kinh phí thực hiện 2017-2018: 1,5 tỷ

- Tình hình thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công đã triển khai thực hiện: Đầu tứ mới và và nâng cấp trang thiết bị tại các cơ sở in: Đầu tư đồng bộ thiết bị chế bản; Đầu tư đồng bộ thiết bị in kỹ thuật số; Đầu tư đồng bộ thiết bị sau in (do các đơn vị in thực hiện).

- Tình hình thực hiện các dự án đã đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án: Dự án xây dựng thư viện điện tử tỉnh: đã hoàn thành việc số hóa tài liệu, sách điện tử; vận hành phục vụ nhu cầu tìm kiếm sách, tài liệu trên môi trường mạng tại thư viện.

6. Quy hoạch thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025

a) Danh mục và kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án đầu tư công đã triển khai thực hiện

- *Danh mục Chương trình Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên từ nguồn TPCP dự phòng giai đoạn 2012-2015, thực hiện năm 2015-2016*: Danh mục đầu tư xây dựng trường mầm non thuộc Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2008-2012 được thực hiện trong năm 2015-2016 gồm có 33 phòng học, trong đó: Huyện Trà Bồng: 09 phòng học; Huyện Sơn Tây: 07 phòng học; Huyện Tây Trà: 04 phòng học; Huyện Ba Tơ: 13 phòng học với tổng mức đầu tư xây dựng 33 phòng học dự kiến: 41.580 triệu đồng; các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng góp phần tăng cường CSVC trường lớp học ở các huyện miền núi của tỉnh.

- *Đề án củng cố và phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015 và giai đoạn 2018-2020:*

+ Giai đoạn 2011-2015: không đầu tư xây dựng mới trường PTDTNT; đầu tư các hạng mục công trình theo quyết định đầu tư số 208/QĐ-UBND của UBND tỉnh với kinh phí thực hiện là: 16.298 triệu đồng.

+ Giai đoạn 2016-2020: không đầu tư xây dựng mới trường PTDTNT; đầu tư các hạng mục công trình theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án: "Cũng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú". Đề án đã triển khai thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thành 16 phòng học bộ môn, 12 phòng ở nội trú và 05 công trình vệ sinh nước sạch với kinh phí đã thực hiện: là 17.362 triệu đồng

- *Tình hình thực hiện vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và các dự án khởi công mới năm 2021:*

+ Theo số liệu báo cáo của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 215,806 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách tỉnh giao là 191,101 tỷ đồng để thực hiện 32 dự án. Vốn Trung ương (vốn Trái phiếu chính phủ) giao là 24,705 tỷ đồng để thực hiện 13 dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên.

+ Ước giải ngân đến hết năm 2019 là 205,224 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương là 182,129 tỷ đồng. Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương (vốn trái phiếu chính phủ) là 23,095 tỷ đồng.

+ Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020 là 22,124 tỷ đồng, từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

+ Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025 để trả nợ khối lượng hoàn thành giai đoạn 2016-2020 là 19,193 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách tỉnh.

+ Rà soát số vốn nợ đọng xây dựng cơ bản và số vốn ứng trước: Không có dự án nào có nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 01/01/2015 và vốn ứng trước đến này 31/12/2015 phải thu hồi trong giai đoạn 2021-2025.

+ Số dự án được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa bố trí vốn hằng năm để thực hiện là 10 dự án. Lý do: Theo ý kiến của UBND tỉnh tại Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 16/8/2019 thì các dự án trên chuyển qua sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên thuộc kế hoạch năm 2020 chương trình chống xuống cấp trường, lớp học.

+ Số dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020 là 42 dự án (đến tháng 10/2019 đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành là 32 dự án).

+ Số dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 là 01 dự án: Dự án Trường THPT chuyên Lê Khiết - Cải tạo, xây dựng phòng học, các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 1).

+ Số dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu:

02 dự án: Dự án Trường THCS Dân tộc nội trú Tây Trà - Đền bù, mở rộng diện tích; xây dựng nhà học bộ môn, nhà công vụ giáo viên 06 phòng; Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng để phục vụ nâng cấp, mở rộng Trường THPT chuyên Lê Khiết.

+ Số dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt: 08 dự án, gồm: Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng để phục vụ nâng cấp, mở rộng Trường THPT chuyên Lê Khiết; Dự án Trường Giáo dục trẻ khuyết tật tỉnh, Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, xây dựng nhà hiệu bộ, tường rào; Dự án Trường THCS DTNT Ba Tơ - 06 phòng ở học sinh và thư viện; Dự án Ký túc xá Trường THPT chuyên Lê Khiết (giai đoạn 1); Dự án Trường THPT Lê Trung Đình (Giai đoạn 2); Dự án Trường THPT số 1 Tư Nghĩa - Cải tạo, mở rộng, nâng cấp Khu nhà hiệu bộ; Dự án Trường THCS THPT Phạm Kiệt - Nhà lớp học 06 phòng.

- *Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW giai đoạn 2016 - 2020:* Tại Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 12/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch hoạch vốn đối ứng năm 2015 và giai đoạn 2016-2018, Dự án Giáo dục trung học cơ sở khó khăn nhất giai đoạn 2 của tỉnh Quảng Ngãi. Tổng vốn đầu tư của dự án là 28.600 triệu đồng, trong đó vốn ODA: 22.000 triệu đồng, vốn đối ứng: 6.600 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện Dự án Giáo dục Trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2 tỉnh Quảng Ngãi giai đến nay đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 04 công trình cụ thể: Trường THCS Số 1 Bình Nguyên; Trường THCS Nghĩa An; Trường THCS Đức Phong; Trường THCS Phổ Quang.

+ Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2 tỉnh Quảng Ngãi có 02 công trình dự kiến hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 30/9/2020 (Trường THCS Bình Thạnh; Trường THCS Đức Phú).

+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2021: có 01 công trình với tổng mức đầu tư dự kiến là 4.310 triệu đồng, trong đó nguồn vốn đối ứng (NS tỉnh) là 331 triệu đồng, vốn ODA (vốn nước ngoài) là 3.979 triệu đồng. Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 3.979 triệu đồng, trong đó vốn ODA (vốn nước ngoài) là 3.979 triệu đồng; Dự kiến kế hoạch vốn năm 2021 là 3.979 triệu đồng, trong đó vốn ODA (vốn nước ngoài) là 3.979 triệu đồng.

b) Danh mục và kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công đã triển khai thực hiện

Thực hiện Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/7/2019 về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

- Năm 2019 đã thực hiện việc sửa chữa, cải tạo, mở rộng tại các trường PTDTBT và các trường có học sinh bán trú theo học tại 06 huyện miền núi.

- Năm 2020, thực hiện Công văn số 1143/UBND-KGVX ngày 19/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương sửa chữa, cải tạo,

mở rộng cơ sở vật chất thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020; Công văn 429/STC-QLGCS ngày 10/3/2020 của Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo (chủ đầu tư) đang triển khai thực hiện việc xây dựng sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp, khu nội trú tại trường phổ thông DTBT: Trường Phổ thông DTBT TH và THCS Sơn Lập; Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Khâm; Trường Phổ thông DTBT TH và THCS Sơn Long; Trường Phổ thông DTBT THCS Trà Hiệp; Trường Phổ thông DTBT THCS Trà Xinh; Trường Phổ thông DTBT THCS Trà Thọ; Trường Phổ thông DTBT TH và THCS Ba Giang; Trường TH và THCS Ba Lế; Trường Phổ thông DTBT TH và THCS Ba Trang với tổng mức đầu tư là 6.000 triệu đồng.

c) Danh mục các dự án đã đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án

Huy động và sử dụng lồng ghép, có hiệu quả các nguồn vốn từ các đề án Kiên cố hóa trường lớp học, nhà công vụ giáo viên; Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; Dự án Chương trình phát triển giáo dục trung học (ADB); Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2 tỉnh Quảng Ngãi; Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020; nguồn xã hội hoá giáo dục và các nguồn vốn khác để tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo của tỉnh nhà để góp phần thực hiện đúng mục tiêu Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chương trình hành động số 51- CTr/TU, ngày 23/7/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) "về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

7. Quy hoạch thuộc lĩnh vực xây dựng

7.1. Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

Tính đến thời điểm hiện tại, quy hoạch thực hiện các dự án đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế xã hội, môi trường trên địa bàn tỉnh gồm: 136 mỏ được cấp phép thăm dò, khai thác với các chủng loại đất san lấp; đá xây dựng; cát xây dựng; phụ gia xi măng; đá chẻ.

7.2. Quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

Quy hoạch cấp nước đô thị và Khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/11/2016. Trên cơ sở đồ án Quy hoạch cấp nước được phê duyệt, UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các

Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch 05 năm, hàng năm để huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các dự án cấp nước theo quy hoạch được duyệt. Qua đó, đã góp phần thực hiện tốt công tác quản lý cấp nước đô thị và Khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn. Từng bước đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt người dân khu vực đô thị, vùng nông thôn phụ cận và các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở Quy hoạch cấp nước được phê duyệt các địa phương, đơn vị cấp nước đã triển khai xây dựng, mở rộng các công trình cấp nước, cụ thể:

a) Danh mục và kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án đầu tư công đã triển khai thực hiện:

+ Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi: Nhà máy nước thành phố Quảng Ngãi (công suất 23.000 m3/ngđ) và Trạm xử lý nước Vsip Quảng Ngãi (công suất 6.000 m3/ngđ) cấp nước cho thành phố Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa và KCN VSIP Quảng Ngãi; Nhà máy nước Mộ Đức (công suất 1.000 m3/ngđ) cấp nước cho thị trấn Mộ Đức (huyện Mộ Đức); Nhà máy nước Đức Phổ (công suất 2.000 m3/ngđ) cấp nước cho khu vực trung tâm thị xã Đức Phổ; Nhà máy nước Bình Sơn (công suất 2.900 m3/ngđ) cấp nước cho thị trấn Châu Ổ (huyện Bình Sơn).

- Công ty cổ phần Vinaconex Dung Quất: Nhà máy nước Vinaconex Dung Quất (công suất 22.000 m^3/ngđ, hiện đang vận hành với công suất 15.000 m^3/ngđ) thực hiện cấp nước tại Khu kinh tế Dung Quất.

b) Danh mục và kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác đã triển khai thực hiện

- Công ty cổ phần Hoàng Thịnh Đạt đang triển khai đầu tư dự án "Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Quảng Ngãi (Nâng công suất từ 20.000m^3/ngày đêm lên 45.000m^3/ngày đêm)";

- Công ty cổ phần dịch vụ cấp nước Sa Huỳnh đầu tư dự án Nhà máy nước Sa Huỳnh, xã Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ.

7.3. Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025

Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được duyệt với mục đích làm cơ sở pháp lý phục vụ lập các quy hoạch xây dựng cấp huyện, quy hoạch chung đô. Kể từ khi quy hoạch xây dựng vùng tỉnh được duyệt đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh phê duyệt 05 đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện, các đồ án Quy hoạch chung cho các đô thị trên địa bàn tỉnh. Nhìn chung, các đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị sau khi phê duyệt được các địa phương, đơn vị tổ chức quản lý và triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần phục vụ tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng, phục vụ thu hút đầu tư, từng bước hoàn chỉnh hệ thống cơ

sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu phát triển tại địa phương.

Trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi được phê duyệt, UBND các huyện tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị cho từng đô thị trình UBND tỉnh phê duyệt. Cụ thể: đô thị Mộ Đức, Thạch Trụ (huyện Mộ Đức), đô thị: La Hà, Sông Vệ (huyện Tư Nghĩa), đô thị Minh Long (huyện Minh Long), đô thị Chợ Chùa (huyện Nghĩa Hành), đô thị Châu Ổ (huyện Bình Sơn) đô thị Ba Tơ (huyện Ba Tơ), thành phố Quảng Ngãi...

Qua quá trình đầu tư xây dựng các đô thị đã hoàn thành các chỉ tiêu theo quy định các loại đô thị, UBND các huyện thành phố lập đề án phân loại cho các đô thị tương ứng trình các cấp công nhận theo thẩm quyền. Cụ thể:

- Bộ Xây dựng công nhận đô thị Đức Phổ đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- UBND tỉnh công nhận các đô thị sau đạt tiêu chí đô thị loại V: đô thị Minh Long, Chợ Chùa, Ba Tơ, La Hà, Sông Vệ, Trà Xuân, Lý Sơn.

8. Quy hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường

8.1. Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

a) Các nhiệm vụ/dự án đã được thực hiện

- Dự án trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi: Đã thực hiện xong trong năm 2015. Dự án trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông và Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (thuộc Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi do Quỹ Khí hậu xanh (GCF) tài trợ không hoàn lại theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh, khu vực triển khai dự án nằm dọc hai bên sông Cà Ninh có quy mô diện tích 107,49 ha, trong đó trồng mới 65,64 ha: thời gian thực hiện từ năm 2015 – 2019.

- Rừng ngập mặn giúp điều hoà khí hậu, bảo vệ cảnh quan ven bờ, chống xói mòn, hạn chế gió bão, bảo vệ đê ven biển, góp phần làm sạch môi trường, giữ gìn sự cân bằng hệ sinh thái cho những vùng đất bị ngập nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển. Bên cạnh hưởng lợi từ việc nuôi trồng, khai thác nguồn lợi thủy sản, người dân ở các khu vực dự án trồng rừng ngập mặn thuộc quy hoạch rừng phòng hộ của tỉnh còn được hỗ trợ chi phí giao khoán bảo vệ theo quy định. Chính vì vậy, hiệu quả đạt được không chỉ là bảo đảm môi trường sinh trưởng của các loài thủy hải sản vùng cửa sông ven biển, mà còn tạo các hoạt động sinh kế của nhân dân xung quanh khu vực, góp phần cải thiện đáng kể đời sống cộng đồng thông qua phát triển du lịch sinh thái.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi (xây dựng và in ấn, cấp phát 2.000 bộ tài liệu cơ bản về công tác bảo tồn đa dạng sinh học cho các địa phương vào năm 2018; tuyên truyền về bảo tồn đa dạng sinh học thông qua các Ngày Quốc tế đa dạng sinh

học, Ngày Môi trường thế giới,...).

- Tập huấn và đào tạo cho cán bộ cấp xã 06 huyện miền núi về lĩnh vực đa dạng sinh học và bảo tồn; nâng cao năng lực cán bộ cấp xã trong tham gia các chương trình bảo tồn đa dạng sinh học (tổ chức tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ cho gần 150 đại biểu là cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học cấp xã của 6 huyện miền núi vào năm 2018).

Thông qua các hoạt động tuyên truyền, tập huấn đã giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng cũng như nâng cao năng lực của cán bộ cấp xã về bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các nhiệm vụ/dự án đang triển khai thực hiện

- Dự án bảo vệ, phục hồi năng suất sinh học và khả năng cung cấp nguồn dinh dưỡng, nơi sinh sản của các hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển.

- Dự án nhằm bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển nên có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây là cơ sở quan trọng giúp các nhà quản lý tại địa phương có phương hướng xây dựng các kế hoạch, chương trình bảo vệ và phục hồi kịp thời các hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển của tỉnh theo hướng bền vững. Từ đó làm giảm thiểu các chi phí không cần thiết trong vấn đề khắc phục hậu quả của việc xuống cấp và suy thoái nghiêm trọng các hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển.

c) Các nhiệm vụ/dự án chưa triển khai thực hiện

- Nhiệm vụ Lập quy hoạch chi tiết chuyển đổi và mở rộng Khu Bảo tồn Biển Lý Sơn thành Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi:

Ngày 23/11/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 997/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Đề án xây dựng và phát triển Công viên địa chất Lý Sơn; theo đó tên gọi của Công viên địa chất Lý Sơn đổi thành Công viên địa chất Lý Sơn - Sa Huỳnh và phạm vi của Công viên địa chất được cũng mở rộng so với trước đây. Ngày 29/11/2019, Ban Quản lý Công viên địa chất Lý Sơn - Sa Huỳnh đã đệ trình UNESCO Hồ sơ tham gia Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu và đang được UNESCO xem xét, đánh giá. Mặc dù Công viên địa chất Lý Sơn - Sa Huỳnh không giống Khu dự trữ sinh quyển vì "không yêu cầu hình thành nên một khu vực hoặc cảnh quan cần bảo vệ" (theo Hướng dẫn của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu); tuy nhiên đây cũng là một trong những loại hình bảo tồn di sản, đa dạng sinh học quan trọng. Việc lập quy hoạch chi tiết chuyển đổi và mở rộng Khu Bảo tồn Biển Lý Sơn thành Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi có thể tạo sự chồng lấn trong công tác bảo tồn.

Khu Bảo tồn biển Lý Sơn được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 và đang trong thời gian đầu triển khai thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát, đánh giá; nhân lực thực hiện công tác bảo tồn còn hạn chế về kinh nghiệm, năng lực. Việc đáp ứng 7 tiêu chí của Khu dự trữ sinh quyển là chưa đảm bảo. Vì vậy, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Lập quy hoạch

chi tiết chuyển đổi và mở rộng Khu Bảo tồn Biển Lý Sơn thành Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi vào giai đoạn 2017-2020 là chưa phù hợp.

b) Các nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu của tỉnh Quảng Ngãi về đa dạng sinh học biển phục vụ cho đánh bắt xa bờ; Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý bảo tồn và khai thác, sử dụng đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi; Điều tra và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học của Quảng Ngãi; Xây dựng kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm; Nghiên cứu cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc điểm sinh thái của các vùng và địa phương; ven biển chưa được triển khai vì lý do chưa đủ nguồn lực về con người và tài chính để tham mưu thực hiện.

Các nhiệm vụ chưa thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 sẽ được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu để xem xét, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

8.2. Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030

Tính đến thời điểm hiện tại, tình hình thực hiện các dự án thuộc quy hoạch như sau:

a) Các dự án đầu tư công: Hiện có 4/11 dự án đã thực hiện và 07/11 dự án chưa thực hiện, cụ thể dưới bảng sau:

Bảng 10: Tình hình thực hiện dự án đầu tư công thuộc quy hoạch tài nguyên nước

TT	Tên dự án	Tiến độ thực hiện
I	Nâng cao năng lực quản lí tài nguyên nước	
1	Dự án tăng cường năng lực/tổ chức quản lí tài nguyên nước ở cấp huyện và một số ngành của tỉnh	Chưa thực hiện
2	Dự án tuyên truyền, cập nhật pháp luật về tài nguyên nước	Đã hoàn thành 2016
II	Quy hoạch, điều tra tài nguyên nước	
3	Điều tra, đánh giá chi tiết tài nguyên nước phục vụ cấp nước cho sinh hoạt và bảo vệ tài nguyên nước vùng Dung Quất- Vạn Tường	Chưa thực hiện
4	Điều tra, đánh giá xác định vùng cấm, vùng hạ chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Đã hoàn thành 2019
5	Xây dựng mạng quan trắc chuyên môn tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giám sát các vùng khai thác, các hồ chứa thủy điện.	Đang thực hiện 2020 - 2022
6	Rà soát, bổ sung hệ thống cảnh báo tai biến do nguồn nước gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Chưa thực hiện
7	Điều tra thống kê và lập danh mục các giếng khoan phải xử lí trám lấp, lập kế hoạch xử lí trám lấp, trám lấp một số giếng ở khu vực xung yếu- phòng tránh nhiễm bẩn nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Chưa thực hiện
8	Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn thải các sông chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Đang thực hiện
9	Điều tra, đánh giá chi tiết tài nguyên nước phục vụ xây dựng công trình cấp nước trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước	Chưa thực hiện

TT	Tên dự án	Tiến độ thực hiện
	biển dâng vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi	
10	Điều tra, đánh giá chi tiết tài nguyên nước phục vụ xây dựng công trình cấp nước cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Chưa thực hiện
11	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất các giải pháp bảo vệ tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Chưa thực hiện

b) Các dự án ưu tiên đầu tư chưa triển khai thực hiện

- Dự án tăng cường năng lực/tổ chức quản lí tài nguyên nước ở cấp huyện và một số ngành của tỉnh (2016 – 2017). Lý do không có kinh phí.

- Điều tra, đánh giá chi tiết tài nguyên nước phục vụ cấp nước cho sinh hoạt và bảo vệ TNN vùng Dung Quất - Vạn Tường (2016 – 2018). Lý do chỉ dùng lại tài liệu cấp nước vùng Dung Quất - Vạn Tường.

- Rà soát, bổ sung hệ thống cảnh báo tai biến do nguồn nước gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (2015 -2016). Lý do quy hoạch được phê duyệt cuối năm 2016 nên không có cơ sở triển khai.

- Điều tra thống kê và lập danh mục các giếng khoan phải xử lí trám lấp, lập kế hoạch xử lí trám lấp, trám lấp một số giếng ở khu vực xung yếu - phòng tránh nhiễm bẩn nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (2017 – 2020). Lý do đã triển khai tới các địa phương để thống kê và lập danh mục nhưng chưa có sự phối hợp của các địa phương.

- Điều tra, đánh giá chi tiết tài nguyên nước phục vụ xây dựng công trình cấp nước trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi (2021 – 2025). Lý do chưa tới kỳ thực hiện.

- Điều tra, đánh giá chi tiết tài nguyên nước phục vụ xây dựng công trình cấp nước cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (2015 – 2020). Lý do xin chuyển qua kỳ 2021 – 2025.

- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất các giải pháp bảo vệ tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu (2021 – 2025). Lý do chưa tới kỳ thực hiện.

c) Danh mục các dự án đã đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án:

- Dự án tuyên truyền, cập nhật pháp luật về tài nguyên nước: nâng cao ý thức của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ tài nguyên nước;

- Điều tra, đánh giá xác định vùng cấm, vùng hạ chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:

+ Bảo vệ tài nguyên nước dưới đất khỏi bị cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn, sụt lún mặt đất do khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi;

+ Khoanh định và công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, phục vụ công tác quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước;

+ Lập bộ dữ liệu các công trình khai thác, sử dụng các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có quy mô lưu lượng từ 10m3/ngày đêm trở lên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm phục vụ công tác quản lý, cấp phép tài nguyên nước, quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước;

+ Đánh giá, làm rõ được hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất. Xác định được các vấn đề nổi cộm trong việc khai thác, sử dụng nước dưới đất;

+ Đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý, quản lý hiệu quả các công trình khai thác nhằm bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn nước.

9. Quy hoạch thuộc lĩnh vực y tế

Quy hoạch phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020: Tính đến thời điểm hiện tại, tình hình thực hiện các dự án thuộc quy hoạch như sau:

a) Các dự án phát triển hệ thống y tế:

- Các dự án đã triển khai thực hiện:

+ Nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh đạt tiêu chuẩn ISO – 17025.

+ Xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng Trung tâm y tế dự phòng huyện Mộ Đức, vào tháng 5/2013 thuộc dự án Hỗ trợ Y tế vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ sử dụng vốn vay nguồn vốn ADB)

+ Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 40 Trạm y tế xã, phường, thị trấn (từ năm 2013 đến năm 2019)

+ Trong năm 2019 khởi công xây dựng mới Trung tâm Nội tiết; Nâng cấp mở rộng xây dựng mới khối nhà 100 giường bệnh của Bệnh viên Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi

- Các dự án chưa triển khai:

+ Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh (nay là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) chưa đạt chuẩn quốc gia, năm 2012 đã được UBND tỉnh giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư xây dựng mới nhưng chưa được giao đất mới, nên không triển khai được.

+ Chưa thành lập và xây dựng mới Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế (hiện tại là một khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)

+ Chưa thành lập và xây dựng mới Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường tỉnh (hiện tại là một khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

b) Các dự án phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng

- Các dự án khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng:

+ Tuyến tỉnh: Từ năm 2015 đến nay đã nâng cấp, sửa chữa các cơ sở y tế như sau: Bệnh viện đa khoa tỉnh; Bệnh việc y học cổ truyền; Bệnh viện tâm thần tỉnh; Bệnh viện lao và bệnh phổi; Trung tâm Mắt tỉnh. Xây dựng mới bệnh viện Sản - Nhi.

+ Tuyến huyện: Đã nâng cấp mở rộng các Trung tâm y tế của các huyện Ba Tơ, Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Tây, Mộ Đức. Xây dựng mới Phòng khám đa khoa khu vực Ba Vì. Thành lập và xây dựng mới Phòng khám đa khoa khu vực Trà Tân, huyện Trà Bồng. Năm 2018-2019 xây dựng mới Trạm y tế xã: Tịnh Thọ, Tịnh Ấn Đông, Hành Dũng, Tịnh An.

+ Năm 2019, khởi công xây dựng Trung tâm Nội tiết.

- Các dự án khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực cho các khoa Y học cổ truyền (YHCT) tại các Trung tâm y tế huyện: Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Bình Sơn, BVĐK Đặng Thùy Trâm, Dung Quất, TTYT huyện Minh Long.

10. Quy hoạch thuộc lĩnh vực giao thông

10.1. Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư của quy hoạch như sau:

- Các dự án công trình đường bộ: Tính đến thời điểm hiện tại đã đầu tư 08/9 công trình đường bộ, *gồm: Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đoạn Dung Quất - Trà Khúc; Đường Sông Trường - Trà Bồng - Bình Long; Nâng cấp mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 1; Tuyến bờ Nam sông Trà Khúc; Đường Nguyễn Trãi (giai đoạn 2); Đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2); Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.625 (đoạn Quốc lộ 24 - Minh Long).* Còn 1 dự án đường Tịnh Phong - Cảng Dung Quất II chưa được thực hiện do đến nay vẫn chưa cân đối nguồn vốn để bố trí triển khai thi công.

- Các dự án công trình bến, cảng biển: Đã hoàn thành 02/2 dự án, gồm: Cảng Sa Kỳ đã được nâng cấp, mở rộng hoàn thành năm 2015 và xây dựng mới cảng Bến Đình.

10.2.Quy hoạch giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

Tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư của quy hoạch như sau:

- Luồng tuyến: Quy hoạch đến năm 2020 khai thác 04 tuyến: Châu Ổ-Sa Cần, tuyến sông Kinh Giang, tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé. Ngày 10/01/2014, UBND tỉnh đã công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa từ đảo Lớn (xã An Vĩnh) đi đảo Bé (xã An Bình) thuộc huyện Lý Sơn nâng tổng số tuyến đường thủy đang khai thác là 04 tuyến, đạt được mục tiêu quy hoạch đề ra.

- Bến, cảng: Theo Quy hoạch đến năm 2015, xây dựng hoàn thành cảng Sa Kỳ, cảng Bến Đình; đến năm 2020 xây dựng Bến cập tàu đảo Bé huyện Lý

Sơn. Đến năm 2015 đã thi công hoàn thành cảng Sa Kỳ; hiện nay đang triển khai thi công cảng Bến Đình, hoàn thành năm 2020; Bến cập tàu đảo Bé đến nay vẫn chưa có chủ trương đầu tư.

- Đã công bố và quản lý khai thác 12/17 luồng tuyến đường thủy nội địa. Hiện còn lại tuyến 05 luồng tuyến chưa công bố: Sông Trà Bồng đoạn Châu Ổ-Sa Cần (hạ lưu sông Trà Bồng); Sông Kinh Giang; Tịnh Khê-Lý Sơn; Tịnh Khê-Vạn Tường và Tịnh Khê-Sa Huỳnh.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Đánh giá tình hình sử dụng đất

1.1. Tình hình sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Quảng Ngãi đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 13/6/2013 và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Quảng Ngãi đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 14/11/2018. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi như sau:

a) Giai đoạn 2011-2015:

- Đất nông nghiệp: Năm 2010 có 403.943 ha, diện tích tính đến ngày 31/12/2015 là 452.225 ha; theo chỉ tiêu sử dụng đất của Chính phủ tại NQ75 giao đến năm 2015 là 420.636 ha. Như vậy, kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2015 so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Chính phủ duyệt đến năm 2015, đạt 107,5%.

- Đất phi nông nghiệp: Năm 2010 có 49.508 ha, diện tích tính đến ngày 31/12/2015 là 52.530 ha; theo chỉ tiêu sử dụng đất của Chính phủ tại NQ75 giao đến năm 2015 là 62.629 ha. Như vậy, kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2015 so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Chính phủ duyệt đến năm 2015, đạt 83,87%.

- Đất chưa sử dụng: Năm 2010 có 61.844 ha, diện tích tính đến ngày 31/12/2015 là 10.494 ha; theo chỉ tiêu sử dụng đất của Chính phủ tại NQ75 giao đến năm 2015 là 32.030 ha. Như vậy, kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2015 so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Chính phủ duyệt đến năm 2015, đạt 32,76 ha.

b) Giai đoạn 2016-2020

- Đất nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp đến 31/12/2015 là 452.225 ha, thực hiện đến ngày 30/4/2020 đất nông nghiệp có diện tích là 442.550 ha; Quy hoạch đến năm 2020 theo NQ143 được duyệt, diện tích đất nông nghiệp là 439.844 ha. Như vậy, kết quả thực hiện tính đến ngày 30/4/2020 so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Chính phủ duyệt đến năm 2020, đạt 100,62%.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp đến 31/12/2015 là 52.530 ha, thực hiện đến 30/4/2020 đất phi nông nghiệp có diện tích là 65.867 ha; Quy hoạch đến năm 2020 theo NQ143 được duyệt, diện tích đất phi nông

nghiệp là 69.930 ha. Như vậy, kết quả thực hiện tính đến ngày 30/4/2020 so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Chính phủ duyệt đến năm 2020, đạt 94,19%.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng đến 31/12/2015 là 10.493,88 ha, thực hiện đến 30/4/2020 đất chưa sử dụng có diện tích là 6.833 ha; Quy hoạch đến năm 2020 theo NQ143 được duyệt, diện tích đất chưa sử dụng là 5.475 ha. Như vậy, kết quả thực hiện tính đến ngày 30/4/2020 so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Chính phủ duyệt đến năm 2020, đạt 124,80%.

1.2. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất

Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất những năm qua đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các chương trình, dự án theo các mục tiêu đề ra.

Đối với chỉ tiêu đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong hai giai đoạn của kỳ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 55.010,66 ha (giai đoạn 2011-2015 là 31.349,66 ha, giai đoạn 2016 đến 30/4/2020 là 3.661 ha). Như vậy, cho thấy việc lập Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn đầu (2011-2015) và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi đáp ứng kịp thời cho việc phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tình hình sử dụng tài nguyên khác

2.1. Tài nguyên nước

Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 21/10/2016. Quy hoạch đã tính toán đến các tác động phát triển kinh tế - xã hội, đến nhu cầu sử dụng nước và áp lực lên tài nguyên nước của tỉnh và cũng đã đề xuất các giải pháp chia sẻ, phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước. Sau hơn 4 năm triển khai thực hiện quy hoạch, công tác quản lý tài nguyên nước đã có những kết quả đáng kể, các hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn tỉnh, ngoài việc đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp đang từng bước được đầu tư để tham gia cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, việc phân bổ nguồn nước đã tạo tiền đề thuận lợi cho công tác xúc tiến và triển khai các dự án lớn trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tài nguyên khoáng sản

a) Tình hình sử dụng tài nguyên

Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh chủ yếu gồm: đá, cát sỏi lòng sông, đất đồi. Sản phẩm các mỏ đá đều được qua gia công, chế biến thông qua hệ nghiền sàng thành cốt liệu cho bê tông và vữa, cấp phối đá dăm để thi công lớp móng nền đường ô tô, đá mi bụi sử dụng sản xuất gạch xây không nung; đối với các mỏ cát chủ yếu sử dụng làm bê tông và vữa, không sử dụng làm vật liệu san lấp; Đất đồi chủ yếu sử dụng để san lấp mặt bằng các khu dân cư, một số mỏ có tính chất cơ lý tốt được sử dụng đắp nền

đường ô tô, đắp thân đập,...

b) Các giải pháp tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đã áp dụng trong quá trình thực hiện quy hoạch

- Các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trước khi cấp phép khai thác đều được khảo sát thăm dò, đánh giá trữ lượng được UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng theo quy định.

- Đối với các mỏ đá đều được chế biến thành các sản phẩm đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ nhu cầu xây dựng.

- Đối với cát, sỏi lòng sông có khả năng sử dụng làm vật liệu xây dựng, không cho phép sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

2.3. Tài nguyên rừng

- Bảo vệ và duy trì ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, giữ vững và nâng cao độ che phủ của rừng, điều hoà không khí, phát huy chức năng phòng hộ ven biển, giữ đất, giữ nước, giảm thiểu các thiên tai lũ lụt, hạn hán, xói lở, xói mòn, chắn gió, chắn cát bay, cải thiện môi trường sinh thái, cảnh quan, phát triển tính đa dạng sinh học.

- Góp phần đưa độ che phủ của rừng toàn tỉnh đến cuối năm 2020 đạt 52,0% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh giai đoạn 2010-2020 đề ra).

3. Các giải pháp về kỹ thuật và quản lý thực hiện nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường do tài nguyên thiên nhiên trong quá trình thực hiện quy hoạch

3.1. Tài nguyên khoáng sản

a) Dự án khai thác khoáng sản

- Dự án khai thác nước khoáng Thạch Bích của Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi (Doanh nghiệp) tại điểm lộ 601 (ĐL601) - xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi hoạt động theo Giấy phép khai thác mỏ số 1174/GP-BTNMT ngày 13/4/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt (gia hạn của Giấy phép số 441/GP-BTNMT ngày 29/3/2007). Cho đến nay, Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ quy định của Luật Khoáng sản, các quy định ghi trong Giấy phép khai thác đồng thời thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ tài chính ngân sách nhà nước.

- Doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống thu gom (hố ga, đường ống bằng gốm sứ) nhằm thu gom lượng nước khoáng dư thừa và cho tự chảy vào thềm cát sông Trà Bồng theo Giấy phép xả thải số 04/2020/GP-UBND được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 04/02/2020.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa (có nắp), hằng ngày chuyển đến thùng chứa rác chung của địa phương.

- Chất thải nguy hại phát sinh (bóng đèn huỳnh quang; vật liệu dính dầu;

...) được phân loại, thu gom vào các thùng chứa (có nắp, có nhãn) và định kỳ chuyển về kho chứa chất thải nguy hại của Công ty để chuyển giao cho Đơn vị chức năng (Công ty CP Cơ điện Môi trường Lilama) xử lý theo qui định.

- Định kỳ 6 tháng/lần lấy mẫu nước khoáng, nước thải, nước mặt sông Trà Bồng, không khí xung quanh để phân tích thực hiện chương trình giám sát môi trường theo quy định.

- Thiết lập đới phòng hộ bảo vệ nguồn nước khoáng, trồng cây xanh (loại cây lâu năm) cải tạo môi trường.

b) Dự án chế biến khoáng sản

- Nhà máy nước khoáng Thạch Bích, tại Khu Công nghiệp Quảng Phú – Số 02 Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng mức đầu tư năm 2019 là 191,6 tỷ đồng, công suất thiết kế 150 triệu lít/năm, công suất khai thác giai đoạn 2016-2020 khoảng 418,2 triệu lít.

- Nhà máy đã lập "Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết" được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt theo Quyết định số 580/QĐ-BTNMT ngày 20/03/2015, và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Doanh nghiệp đã ký hợp đồng với đơn vị quan trắc để thực hiện chương trình giám sát môi trường theo quy định.

- Về nước thải: Nhà máy thu gom nước thải và bơm (có đồng hồ đo) lên Trung tâm Môi trường và Nước sạch thuộc Công ty CP Đường Quảng Ngãi để xử lý sơ bộ, sau đó đấu nối đường ống chuyển về Hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Quảng Phú.

- Về khí thải: không có nguồn phát sinh.

- Về quản lý chất thải rắn: Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất như thùng carton, giấy, bao bì nilong, mảnh chai thủy tinh, nắp nhựa hỏng ... được thu gom, phân loại và tập kết về kho phế liệu để đơn vị bên ngoài đến thu mua, rác thải sinh hoạt, lá cây ... thu gom vào các thùng chứa rác và Nhà máy đã hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường đô thị Quảng Ngãi vận chuyển.

- Đối với chất thải nguy hại (CTNH): Nhà máy đã xây dựng một nhà kho riêng có bảng nhận biết theo quy định về phân loại CTNH. Khi các thùng chứa đầy thì được xác định khối lượng từng loại CTNH và ghi vào sổ trước khi chuyển về kho chứa CTNH của Doanh nghiệp, Công ty CP Cơ điện Môi trường Lilama thu gom và xử lý.

3.2. Tài nguyên nước

- Đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất).

- Hoàn thiện, nâng cao hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

gắn với cơ sở dữ liệu về môi trường, đất đai và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện quy hoạch chi tiết khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước ở từng địa bàn hành chính.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng nước theo giấy phép.

- Khoanh định vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Danh mục các vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

IV. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các quy hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp

1.1. Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và Quy hoạch bảo vệ phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011 - 2020

a) Kết quả đạt được

- Kết quả thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển rừng trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả như: Rừng tự nhiên tiếp tục bảo vệ; thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh để đảm bảo một số diện tích hệ sinh thái rừng đang bị suy thái phục hồi; rừng trồng sản xuất từng bước được cải thiện về giống, vùng nguyên liệu hình thành; rừng trồng phòng hộ được khôi phục bằng các loài cây bản địa có giá trị bảo tồn nguồn gen và bảo vệ môi trường; góp phần nâng cao độ che phủ rừng tự nhiên; giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái;

- Thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã huy động được nhiều nguồn vốn để thực hiện đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất, chính sách đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng miền núi. Kinh phí sự nghiệp trung ương hỗ trợ, ODA, ngân sách tỉnh, tiền dịch vụ môi trường rừng,... đã góp phần cải thiện đời sống cho người dân tham gia bảo vệ rừng, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, có sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, của cơ quan, tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, chủ rừng và của người dân về vai trò của lâm nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chính sách ban hành khuyến khích các chủ rừng từ trồng rừng chủ yếu là gỗ nguyên liệu giấy, từng bước chuyển dần sang trồng rừng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn, xây dựng mô hình rừng trồng gỗ lớn, chuyển hóa gỗ nhỏ sang gỗ lớn, cấp chứng chỉ rừng, từng bước giảm phụ thuộc nguồn nguyên liệu nhập khẩu, góp phần giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tuy nhiên sự chuyển biến trên địa bàn tỉnh còn rất chậm.

b) Tồn tại

- Mức hỗ trợ kinh phí giao nhận khoán bảo vệ rừng; nhân công bảo vệ rừng; mức đầu tư khoanh nuôi tái sinh thấp nên việc đầu tư cho hạng mục này sẽ khó đem lại kết quả như mong đợi, thiếu chính sách thu hút đầu tư đối với diện tích xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên.

- Chưa quy định cụ thể về cơ chế chính sách hưởng lợi cho hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư đới với diện tích rừng phòng hộ, rừng tự nhiên là rừng sản xuất sau sau thời gian bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh trữ lượng rừng tăng, nên đã xảy ra một số trường hợp phá rừng cây bản địa để trồng rừng nguyên liệu (cây keo),...

- Về công nghiệp chế biến và thương mại lâm sản: Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh đang đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn như: (i) diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu là rừng của dân, nhỏ lẻ, mỗi hộ dân canh tác, sản xuất khoảng dưới 05 ha, nên diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nguồn gỗ chứng chỉ cho các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; (ii) Việc liên kết theo chuỗi từ khâu sản xuất giống đến thu mua, chế biến, xuất khẩu giữa người trồng rừng với doanh nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, không chặt chẽ; (iii) Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn lực chưa đảm bảo, nên chưa mạnh dạn để mở rộng sản xuất kinh doanh, chủ yếu là sản xuất gỗ dăm nguyên liệu thô, việc đầu tư phát triển doanh nghiệp về sản xuất chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh chưa quan tâm đúng mức;

- Chính sách quy định mức hỗ trợ, hạng mục, nội dung, khái toán kinh phí hỗ trợ đầu tư từ nhà nước (địa phương, trung ương), tuy nhiên chưa xác định rõ hạng mục nào do trung ương hỗ trợ, hạng mục nào do ngân sách địa phương hỗ trợ, nên các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng dự án hoặc các chủ rừng xây dựng dự án gặp nhiều khó khăn khi xác định nguồn kinh phí hỗ trợ do từng cấp đảm bảo. Ngoài ra, trình tự lập dự án chưa được hướng dẫn, địa phương lập dự án và trình phê duyệt theo Luật Đầu tư công để thực hiện tốn nhiều thời gian, mà đối tượng nhận hỗ trợ trồng rừng sản xuất chủ yếu chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân thường hay thay đổi về loài cây, thời gian trồng,... nên đơn vị giao thực hiện dự án sẽ gặp nhiều khó khăn khi tổ chức thực hiện.

- Thời gian thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển rừng là 5 năm (theo kỳ kế hoạch) là chưa phù hợp với thực tế sản xuất của ngành lâm nghiệp, cây lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài (cụ thể như cây mọc nhanh để bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường, ít nhất 7 năm/chu kỳ kinh doanh), nên việc thực hỗ trợ chưa đem lại hiệu quả như mong đợi.

1.2. Quy hoạch chế biến gỗ gắn với gắn với vùng nguyên liệu tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

a) Các chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo nguồn lực tài chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được ban hành để thực hiện quy hoạch.

- Để thực hiện Quy hoạch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành chính sách, kế hoạch, dự án:

+ Nghị Quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

+ Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 (Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 13/9/2019).

+ Kế hoạch triển khai Quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 22/3/2018, số 214/QĐ-UBND ngày 18/02/2020).

b) Hiệu lực, hiệu quả của các chính sách, giải pháp được ban hành để thực hiện quy hoạch.

Các chính sách, giải pháp được ban hành đã tạo động lực để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là chủ rừng) tham gia xây dựng vùng nguyên liệu gỗ lớn; thực hiện tuân thủ theo các tiêu chí quản lý rừng bền vững để hướng đến đăng ký - cấp chứng chỉ rừng, thúc đẩy gia tăng giá trị rừng trồng.

c) Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo: Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, kế hoạch, dự án chưa nảy sinh khiếu nại, tố cáo.

d) Khó khăn, vướng mắc: Quy hoạch chế biến gỗ gắn với gắn với vùng nguyên liệu tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được bãi bỏ theo Luật Quy hoạch tại Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Công bố bãi bỏ các quy hoạch hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch.

1.3. Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030

a) Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn lực tài chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được ban hành để thực hiện quy hoạch.

- Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư: Một số chính sách, giải pháp lớn thu hút đầu tư vào lĩnh vực thủy sản thời gian qua như:

+ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/72014 đã hỗ trợ, thu hút đầu tư tàu thuyền khai thác thủy sản xa bờ. Đến nay có 62 chiếc tàu đã được đầu tư, góp phần chuyển dịch cơ cấu tàu thuyền theo đúng định hướng.

+ Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích khai thác, nuôi trồng thủy sản ở vùng biển xa: Hỗ trợ ngư dân bám biển, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo.

+ Nghị định 57/NĐ-CP đã góp phần thu hút một số doanh nghiệp tham gia xin chủ trương đầu tư nuôi trồng thủy sản.

- Chính sách và giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Trong thời gian qua, ngành đã quan tâm củng cố, nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ công chức, viên chức; tạo điều kiện cho cán bộ công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ cho công tác.

- Chính sách và giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ:

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 1314/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản giai đoạn 2017 – 2020. Trên cơ sở đó, thời gian qua, có 6 đề tài khoa học và trên 60 mô hình khuyến ngư được triển khai thực hiện, góp phần đáng kể cho việc phát triển thủy sản theo đúng định hướng qui hoạch.

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn ngư dân ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác và bảo quản sản phẩm nhằm nâng cao sản lượng, giảm tổn thất, tăng lợi nhuận.

+ Nhiều phương pháp, mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng tiến bộ khoa học có hiệu quả, ít dịch bệnh đã được người dân quan tâm, áp dụng như: mô hình nuôi ghép, mô hình nuôi tôm 02 giai đoạn, mô hình nuôi thủy sản an toàn sinh học,...

- Chính sách và giải pháp về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản:

+ Tham mưu ban hành Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020. Trong đó, đã triển khai một số nhiệm vụ như thực hiện xây dựng đề cương và dự toán nhiệm vụ Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và nghề cá thương phẩm tỉnh Quảng Ngãi; phối hợp thực hiện tốt công tác thả cá tái tạo nguồn lợi thủy sản trên các thủy vực theo kế hoạch hằng năm.

+ Hàng năm, tham mưu ban hành Lịch thời vụ trong nuôi trồng thủy sản, thông qua đó lồng ghép chỉ đạo các giải pháp về bảo vệ môi trường nuôi, giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường, giải pháp về phòng, chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

+ Thông qua các lớp tập huấn, các kênh thông tin đã tuyên truyền đến người dân về ý thức bảo vệ môi trường trong sản xuất thủy sản, đặc biệt là lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản.

+ Công tác quan trắc cảnh báo môi trường phục vụ cho nuôi trồng thủy sản tỉnh Quảng Ngãi được triển khai thực hiện tại 06 huyện, thành phố trên địa

bàn tỉnh. Từ năm 2019 đến nay, đã kịp thời thông báo kết quả quan trắc và khuyến cáo các biện pháp kỹ thuật cần thực hiện đến địa phương và hộ nuôi trên các phương tiện thông tin đại chúng để người nuôi phòng tránh và có phương án sản xuất phù hợp.

b) Hiệu lực và hiệu quả của các chính sách, giải pháp được ban hành để thực hiện quy hoạch

Thời gian qua, ngành thủy sản tỉnh Quảng Ngãi có tham mưu 01 chính sách về Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và hỗ trợ ngư dân bị ảnh hưởng khi thực hiện Quy chế quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn, giai đoạn 2020-2022, tuy nhiên chưa được ban hành. Theo tình hình chung của cả nước, tỉnh Quảng Ngãi vận dụng các chính sách của Trung ương ban hành để hỗ trợ thực hiện qui hoạch. Các chính sách này phát huy hiệu quả tốt trong việc hỗ trợ phát triển ngành thủy sản theo đúng định hướng quy hoạch.

c) Các vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện quy hoạch và đề xuất phương hướng giải quyết:

- Việc bố trí vốn thực hiện các chương trình, dự án chưa đầy đủ.

- Luật Thủy sản 2017 ra đời có hiệu lực từ 01/01/2019, có nhiều nội dung mới như: Chống khai thác bất hợp pháp; quản lý tàu cá theo hạn ngạch,.. chưa được nêu trong quy hoạch phát triển ngành. Do vậy, quá trình thực hiện đã linh hoạt vận dụng để thực hiện cho phù hợp với qui định mới.

- Luật Quy hoạch ra đời, các dự án quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản các huyện không thực hiện được.

2. Các quy hoạch thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

2.1. Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu các cấp ban hành: Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Đề án xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; chính sách khuyến khích sáng tác văn học - nghệ thuật (giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phạm Văn Đồng); Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chế độ đãi ngộ các nghệ nhân có công gìn giữ, trao truyền và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi...

Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương đã từng bước nâng cao tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc, chủ động trong việc tham mưu, đề xuất và chỉ đạo, tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung theo Nghị quyết 03, gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Nhiều cơ chế, chính sách, Đề án và Nghị quyết được các cơ quan chức năng quan tâm chỉ đạo, ban hành làm cơ sở, hành lang pháp lý để triển khai thực hiện Nghị quyết trên thực tế.

Các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa có cơ sở thuận lợi để triển khai thực hiện. Môi trường, đời sống văn hóa trong tỉnh có bước cải thiện. Số lượng và chất lượng các danh hiệu văn hóa được nâng cao; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh được triển khai nhân rộng; tình làng, nghĩa xóm, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau ngày càng tăng cường, phát huy. Xây dựng văn hóa trong chính trị được đẩy mạnh. Phẩm chất đạo đức, lối sống, trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được chú trọng. Văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh bước đầu được tôn vinh.

2.2. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu các cấp ban hành hệ thống văn bản, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho môi trường đầu tư vào lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh: Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (phần phát triển du lịch); Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ, du lịch đến năm 2020; Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 (Thay thế Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (Phần phát triển du lịch)); Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh về phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng 04 huyện: Bình Sơn, Lý Sơn, Nghĩa Hành, Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020....

Nhìn chung, Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và các văn bản liên quan được triển khai nghiêm túc. Du lịch của tỉnh đã từng bước có những chuyển biến tích cực, thu hút được nhiều nhà đầu tư có tiềm lực đầu tư phát triển du lịch tại tỉnh, đặc biệt tại một số địa phương, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế có đóng góp đáng kể cho ngân sách, nhất là du lịch Lý Sơn đã có sự tăng trưởng mạnh, chất lượng dịch vụ du lịch, môi trường được cải thiện đáng kể, trở thành điểm nhấn của du lịch tỉnh trong những năm gần đây; một số địa phương khác đã chủ động, tích cực xây dựng điểm đến, sản phẩm du lịch thu hút khách như Bình Sơn, Ba Tơ, Lý Sơn, Nghĩa Hành...

3. Quy hoạch thuộc lĩnh vực điện lực, công nghiệp, thương mại, khoáng sản (trừ khoáng sản làm VLXD và sản xuất xi măng)

3.1. Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến

Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy hoạch và kiến

nghị, đề xuất:

a) Khó khăn, vướng mắc:

- Công tác bồi thường, GPMB thực hiện các dự án lưới điện theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện chưa phù hợp với thực tiễn tại địa phương nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án, kể cả dự án đường dây 500kV do Thủ tướng Quyết định chủ trương đầu tư.

- Các huyện miền núi (Trà Bồng, Ba Tơ) được cấp điện bằng các đường dây độc đạo 35kV, trạm biến áp trung gian 35kV công suất nhỏ, độ tin cậy thấp, không đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương, khó mời gọi đầu tư, đặc biệt là phát triển các dự án thủy điện nhỏ. Đến nay, ngành điện đã có quan tâm đưa vào kế hoạch đầu tư các TBA 110kV nhưng tiến độ còn chậm.

- Hiện nay tỉnh Quảng Ngãi đã Quyết định chủ trương đầu tư và Nhà đầu tư đang triển khai đầu tư 19 dự án thủy điện với tổng công suất 301,3MW, trong đó có 11 dự án đấu nối về TBA 220kV Sơn Hà với tổng công suất 211MW. Tuy nhiên, việc triển khai 11 dự án này gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ do công tác thỏa thuận đấu nối vào lưới điện chưa thực hiện được (trạm biến áp đấu nối thu gom công suất 220kV Sơn Hà đã vận hành đầy tải, chưa nâng công suất).

- Việc thực hiện đầu tư cấp điện cho nhân dân tại các huyện miền núi còn chậm do nguồn vốn ngân sách Trung ương bố trí cho dự án hạn chế.

b) Kiến nghị, đề xuất

- Ngành điện thực hiện đầu tư phát triển lưới điện đúng theo quy hoạch được duyệt; đẩy nhanh tiến độ đầu tư nâng công suất TBA 220kV Sơn Hà, sớm đầu tư các TBA 110kV Trà Bồng, Ba Tơ để đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy cho nhân dân các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi; tăng cường đầu tư nâng cấp cải tạo thay dây trần thành dây bọc, nâng cao chiều cao cột ...đối với các xuất tuyến đường dây trung thế 22kV trục chính để cấp điện ổn định phục vụ nhân dân, tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Kiến nghị cấp có thẩm quyền Chính phủ xem xét tiếp tục điều chỉnh, bãi bỏ, bổ sung nội dung quy định bồi thường, hỗ trợ tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện cho phù hợp với quy định của Luật đất đai để thực hiện các dự án lưới điện được thuận lợi.

- Nghiên cứu, xem xét về tiềm năng thủy điện trên địa bàn tỉnh, phát triển có chọn lọc, bổ sung vào quy hoạch một số thuỷ điện nhỏ và vừa, thuỷ điện tích năng và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030,

tầm nhìn đến năm 2045; của Chính phủ tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 về Phê duyệt Chiến lược phát năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kiến nghị cấp có thẩm quyền bố trí vốn bổ sung cho dự án Cấp điện nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020 để giải quyết nhu cầu bức xúc về cấp điện ở các thôn, bản đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội, góp phần xóa đói, giảm nghèo và đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi; đảm bảo thực hiện mục tiêu của Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo là đến hết năm 2021, hầu hết các hộ dân đều có điện.

3.2. Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020

a) Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn lực tài chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được ban hành để thực hiện quy hoạch

- Tạo điều kiện thuận lợi về chủ trương, cơ sở hạ tầng để đầu tư xây dựng các cụm/cơ sở công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản tập trung tại Sơn Tịnh (kaolin, graphit); Trà Bồng (graphit, vàng); Mộ Đức (quặng sắt, titan).

- Tiếp tục cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, đổi mới các trình tự, quy định kỹ thuật về thăm dò, cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản phù hợp quy định của Chính phủ và theo lộ trình phù hợp cho từng loại khoáng sản cụ thể.

- Hoàn thiện quy chế về các hoạt động khoáng sản. Thành lập các Công ty cổ phần với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm, năng lực khai khoáng, có năng lực tài chính để đầu tư vào thăm dò, khai thác và chế biến sâu khoáng sản.

- Thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản theo định hướng ưu tiên các doanh nghiệp có năng lực trong nước; liên doanh liên kết với nước ngoài trong lĩnh vực chế biến đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ cao như chế biến quặng kaolin, graphit, vàng, ilmenit hoàn nguyên (xỉ titan), Litium.

- Nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong hoạt động khoáng sản như đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng vùng dự án; thu hút đào tạo và sử dụng lao động địa phương; có biện pháp chủ động bảo vệ môi trường sinh thái và tích cực tham gia cải thiện môi trường xã hội. Các doanh nghiệp thực hiện hợp tác, gắn kết chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định, có khả năng cạnh tranh, tạo thị trường bền vững. Từng bước nâng cao năng lực quản trị tài nguyên và thống kê báo cáo hoạt động khoáng sản.

b) Các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch và đề xuất phương hướng giải quyết:

Đề xuất định hướng, giải pháp quy hoạch đối với các khoáng sản nói chung, từng loại/ nhóm khoáng sản nói riêng; đề xuất việc phương án quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; khu/cụm công nghiệp chế biến khoáng sản giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 và cơ chế, chính sách, vấn đề khác liên quan: dự án quặng Thiếc – kim loại hiếm khu vực Đồng Răm - La Vi, xã Ba Khâm và xã Ba Trang, huyện Ba Tơ; dự án khoáng đất sét Kaolin và felspat tại xã Ba Bích, huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến 2020

Trong quá trình thực hiện quy hoạch gặp một số vướng mắc:

- Hiện nay việc phân bổ quỹ đất, nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng thương mại chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến việc triển khai quy hoạch chưa đạt hiệu quả cao.

- Ngân sách nhà nước về đầu tư phát triển hạ tầng thương mại rất ít, đặc biệt hạ tầng thương mại ở nông thôn miền núi (như chợ, ...) đầu tư ít mang lại lợi nhuận, chậm thu hồi vốn. Do đó, việc kêu gọi xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng thương mại nông thôn, miền núi gặp nhiều khó khăn, dẫn đến triển khai chưa đạt so với quy hoạch.

- Quy hoạch hạ tầng thương mại bị thay đổi, điều chỉnh cho các dự án khác đặc biệt là các dự án bất động sản, dẫn đến phá vỡ quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Quy hoạch thuộc lĩnh vực thông tin truyền thông

4.1. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ngãi

a) Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn lực tài chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được ban hành để thực hiện quy hoạch:

Trên cơ sở quy hoạch được ban hành, đã tham mưu UBND tỉnh về công tác xây dựng các Đề án, dự án, kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT dài hạn và ngắn hạn; công tác hướng dẫn các cơ quan nhà nước trong công tác xây dựng Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT, phát triển Chính quyền điện tử đều được Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu và thực hiện trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu và nội dung của quy hoạch đã được ban hành. Một số văn bản, chính sách đã được xây dựng và tham mưu ban hành:

- Kế hoạch số 1881/KH-UBND ngày 25/04/2015 của UBND tỉnh về việc thực hiện chương trình hành động số 57-CTr/TU ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

- Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 23/07/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về quy chế quản lý sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 27/01/2016 của UBND tỉnh về Quy chế quản lý dịch vụ công trực tuyến trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; (hiện nay đang trình UBND tỉnh ban hành Quy chế mới để thay thế).

- Kế hoạch số 1242/KH-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2017.

- Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh 2016-2020.

- Kế hoạch số 6790/KH-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về kế hoạch triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi năm 2017-2018.

- Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2022.

- Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi phiên bản 1.0.

- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

- Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025.

- Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Danh sách Mã định danh các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo QCVN 102:2016/BTTTT.

b) Hiệu lực và hiệu quả của các chính sách, giải pháp được ban hành để thcwj hiện quy hoạch

- Đã giúp tỉnh Quảng Ngãi có định hướng và xây dựng các kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT hằng năm và dài hạn, có tính đồng bộ và kịp thời so với Kế hoạch ứng dụng CNTT của Chính phủ, sự phát triển KT-XH chung của tỉnh và của đất nước.

- Góp phần nâng cao nhận thức về vai trò động lực của công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Từ đó có sự chỉ đạo và thực hành quyết liệt của lãnh đạo để hỗ trợ và ủng hộ các chương trình, kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông ở tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị và người dân. Đến nay, tư duy và nhận thức về CNTT, về xây dựng chính quyền điện tử của cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực; các chủ trương, chính sách về phát triển CNTT đã được quan tâm, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến về các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của Đảng và Nhà nước. Nâng cao nhận thức về vai trò động lực của công nghệ thông tin trong cộng đồng doanh nghiệp để nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và nâng cao nhận thức về vai trò của công nghệ thông tin trong mọi tầng lớp xã hội.

- Các địa phương đã có sự quan tâm chỉ đạo và ban hành nhiều văn bản chính sách, quy định nhằm tăng cường và đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và điều hành. Công tác phát triển và ứng dụng CNTT đã nhận được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, UBND các cấp và của các Sở, ban ngành nên đã có những chuyển biến tích cực, đóng góp quan trọng trong cải cách hành chính, trong lãnh đạo và điều hành hoạt động các cấp, các ngành.

4.2. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

a) Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn lực tài chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được ban hành để thực hiện quy hoạch

Trên cơ sở quy hoạch được ban hành, đã tham mưu UBND tỉnh về công tác xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện; công tác hướng dẫn, tuyên truyền cũng đã được triển khai. Một số văn bản, chính sách đã được xây dựng và tham mưu ban hành:

- Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viễn thông Quảng Ngãi đến năm 2020; Quyết định số 397/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viễn thông Quảng

Ngãi đến năm 2020.

- Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động Mobifone tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

- Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Quảng Ngãi đến năm 2020.

- Kế hoạch số 44/KH-UBND tỉnh ngày 25/3/2019 về chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột điện năm 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kế hoạch số 44/KH-UBND tỉnh ngày 25/3/2019 về chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột điện năm 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 8/10/2018 thực hiện Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Quản lý hoạt động truyền thanh-truyền hình cấp huyện đến năm 2020".

- Kế hoạch số 56//KH-UBND ngày 29/4/2020 Triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dưa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Hiệu lực và hiệu quả của các chính sách, giải pháp được ban hành để thực hiện quy hoạch:

- Các chính nhằm định hướng cho các địa phương, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả, có tính đồng bộ và kịp thời, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và đảm bảo sự phát triển chung của tỉnh Quảng Ngãi nói riêmg và của Việt Nam nói chung.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các hệ thống đài truyền thanh cơ sở.

- Từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở, hiện đại hóa thông tin cơ sở phù hợp với xu thế chung của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

c) Các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch và đề xuất phương hướng giải quyết:

- Hệ thống đài truyền thanh cấp xã: Đến thời điểm hiện tại do tỉnh chưa bố trí được kinh phí để chuyển tất cả các đài thanh không dây đang hoạt động ở băng tần số (87-108)MHz về băng tần số (54-68)MHz, cho nên hiện giờ còn 55 đài thanh không dây đang hoạt động ở băng tần số (87-108)MHz nên chưa đáp ứng yêu cầu 100% xã, phường, thị trấn có hệ thống truyền thanh hoạt động ở băng tần (54-68)MHz phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Đề nghị UBND nhân dân tỉnh sớm bố trí kinh phí thực hiện việc này.

- Hệ thống viễn thông phát triển liên tục qua từng năm, đặc biệt trong giai đoạn tới sẽ phát triển mạng điện thoại di động 5G nên việc tiếp tục phát triển rất nhiều các trạm phát sóng thông tin di động (BTS) là hết sức cần thiết, đề nghị

tiếp tục duy trì thực hiện Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đến những năm tiếp theo.

4.3. Quy hoạch phát triển ngành xuất bản, in, phát hành đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025

a) Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn lực tài chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được ban hành để thực hiện quy hoạch:

Trên cơ sở quy hoạch được ban hành, đã tham mưu UBND tỉnh về công tác xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện; công tác hướng dẫn, tuyên truyền cũng như tổ chức công bố nội dung quy hoạch đã được triển khai.

b) Hiệu lực và hiệu quả của các chính sách, giải pháp được ban hành để thực hiện quy hoạch

- Từng bước phát triển ngành xuất bản - in - phát hành tỉnh Quảng Ngãi, phục vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền tỉnh; đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí; giới thiệu, quảng bá hình ảnh vùng đất và con người Quảng Ngãi tới độc giả trong, ngoài tỉnh, cả nước và quốc tế.

- Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ làm công tác xuất bản - in - phát hành có chuyên môn, nâng cao tính chuyên nghiệp của hoạt động xuất bản; Phát triển xuất bản - in - phát hành phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

c) Các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch và đề xuất phương hướng giải quyết

Việc phát triển các nhà sách và mạng lưới phát hành sách ở các huyện, đặc biệt là khu vực miền núi chưa khả thi vì cơ chế chính sách hỗ trợ cho công tác này chưa được quan tâm. Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp hoặc cơ sở tư nhân về thuế và công nghệ cũng như kinh phí để đầu tư các nhà sách, hiệu sách, đại lý sách ở các huyện, đồng thời huy động nhiều thành phần xã hội như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên ở cơ sở tham gia hoạt động giới thiệu sách, phát hành sách.

5. Quy hoạch thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Đánh giá chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020:

a) Về thực hiện giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý thực hiện quy hoạch:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước để thực hiện tốt nhiệm vụ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc Quy hoạch; Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu mà quy hoạch đã đề ra.

- Tăng cường củng cố, kiện toàn cấp ủy trong các cơ sở giáo dục – đào tạo. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Từ nhiều nguồn

kinh phí, ngân sách tỉnh hàng năm chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách, chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

b) Về thực hiện giải pháp tài chính

- Tỷ lệ chi tiêu công dành cho giáo dục liên tục tăng về cả số tuyệt đối và số tương đối qua các năm, cùng với nhiều chính sách được áp dụng nhằm cải thiện khả năng tiếp cận cho học sinh, tăng cường chất lượng giáo dục và đảm bảo đời sống cho đội ngũ giáo viên.

- Hướng dẫn kịp thời các đơn vị trong khâu lập dự toán, chấp hành quyết toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc theo đúng qui định của Luật ngân sách và các văn bản dưới Luật. Thực hiện tổng hợp dự toán thu chi ngân sách nhà nước cho toàn ngành và các đơn vị trực thuộc đảm bảo công khai, dân chủ, thống nhất.

- Hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục trên địa bàn chấp hành quy định về thu, chi, quản iý, sử dụng các nguồn kinh phí theo đúng chế độ hiện hành. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc các quy định về thu chi các khoản đóng góp tự nguyện cho giáo dục.

- Thực hiện báo cáo tài chính theo Luật Ngân sách, Luật kế toán của ngành nghiêm túc, nền nếp, đúng qui định.

- Các chính sách về miễn giảm học phí, học bổng trong vòng 10 năm qua cũng được ban hành tương đối đầy đủ và hoàn thiện, tập trung vào các đối tượng chính sách là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật con em các gia đình hộ nghèo và sinh sống ở những vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn...

c) Về thực hiện giải pháp xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề

- Thực hiện Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi. Trong những năm gần đây, cùng với nguồn vốn tăng lên từng năm để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy và học của Nhà nước, nhân dân và các nguồn lực xã hội khác đã tích cực đóng góp kinh phí đáng kể cho sự nghiệp giáo dục.

- Nhờ có chính sách hỗ trợ của tỉnh tại Quyết định 52/QĐ-UBND một số trường mầm non tư thục trên địa bàn thành phố được ưu tiên thuê nhà, cơ sở hạ tầng; miễn giảm thuế đất; hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; chính sách giao đất cho thuê đất và hoàn trả kinh phí bồi thường.

- Nhờ huy động và sử dụng đúng các nguồn kinh phí đầu tư, vì vậy cơ sở vật chất trường học ngày càng được tăng cường đồng bộ theo hướng kiên cố hoá. Ngoài ra, thông qua các hoạt động khuyến học, khuyến tài của tỉnh và các địa phương, các đơn vị giáo dục trong tỉnh phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo vượt khó có điều kiện được tiếp tục được đến trường.

d) Một số vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện quy hoạch

- Nhận thức về xã hội hóa ở một bộ phận cán bộ, nhân dân còn chưa đầy đủ, tốc độ xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo chưa tương xứng với tiềm năng và chưa huy động được tổng thể các nguồn lực để phát triển lĩnh vực giáo dục của tỉnh nhà; công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện công tác xã hội hóa của ngành, đơn vị còn lúng túng; cơ chế chính sách chưa đồng bộ, thiếu và chậm hướng dẫn cụ thể; tỷ trọng cung cấp dịch vụ của các cơ sở ngoài công lập trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo còn thấp; các cơ sở ngoài công lập chưa nhiều, quy mô còn nhỏ bé, cơ sở vật chất còn đơn sơ, mức độ phát triển xã hội hoá còn thấp ở khu vực ngoại thành và vùng xa, vùng khó khăn.

- Nhu cầu của xã hội về giáo dục - đào tạo ngày càng cao, trong khi khả năng đáp ứng của ngân sách Nhà nước có hạn, chỉ có thể đáp ứng được các nhu cầu cơ bản, vì vậy tiếp tục đẩy mạnh việc huy động toàn xã hội tham gia vào cung cấp và nâng cao chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo là yêu cầu khách quan từ thực tiễn.

e) Các kiến nghị

- Xây dựng phương án phát triển giáo dục, đào tạo mang tính chất động, cần kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

- Phân bố và phát triển hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của hệ thống, mạng lưới các cơ sờ giáo dục, đào tạo hiện có, thiết thực và có hiệu quả; đồng thời phải phù hợp với phân bố dân cư và kinh tế trong huyện để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, tổ chức tiếp cận các cơ sở giáo dục và đào tạo.

6. Quy hoạch thuộc lĩnh vực xây dựng

Trong quá trình thực hiện Quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, gặp những khó khăn, vướng mắc trong quản lý và phát triển cấp nước:

- Nhu cầu sử dụng nước tại các đô thị ngày càng lớn. Tuy nhiên, việc đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước chủ yếu dự vào nguồn vốn nhà nước. Việc kêu gọi các nhà đầu tư để phát triển các dịch vụ cấp nước tại khu vực trung tâm huyện lỵ, nhất là các địa bàn miền núi theo quy hoạch được duyệt là hết sức khó khăn do chi phí đầu tư lớn nhưng hiệu quả không kinh tế không cao.

- Tại huyện đảo Lý Sơn, những năm gần đây lượng khách du lịch đến tham quan ngày càng tăng, nhiều công trình thương mại dịch vụ nhà hàng, khách sạn được đầu tư xây dựng nên nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng. Trong khi đó, quy mô công suất nhà máy cấp nước trên địa bàn huyện còn nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt. Trong khi đó nguồn nước ngầm trên đảo ngày càng cạn kiệt, hồ chứa nước không đảm bảo nguồn nước phụ thuộc vào nước mưa. Những năm gần đây, hiện tượng khô hạn thường xuyên xảy ra do biến đổi khí hậu nên nguồn nước cấp trên địa bàn đảo ngày càng khó khăn.

Một số đề xuất, kiến nghị:

- Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương cần tiếp tục ban hành một số cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích kêu gọi đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước để doanh nghiệp có điều kiện đầu tư mở rộng hệ thống cấp tại các đô thị và khu dân cư tập trung thuộc địa bàn các huyện miền núi, hải đảo.

- Với vị trí địa lý và đặc thù của huyện đảo Lý Sơn, nhu cầu sử dụng nước hiện nay của người dân địa phương và du khách là rất lớn, trong khi đó nguồn nước ngầm trên đảo ngày càng cạn kiệt. Kính đề nghị Bộ Xây dựng quan tâm đề xuất Chính phủ hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống xử lý, cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Lý Sơn đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

7. Quy hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường

a. Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

a) Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn lực tài chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được ban hành để thực hiện quy hoạch:

- Các chính sách hiện hành về thu hút đầu tư, phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh cơ bản đáp ứng việc thực hiện quy hoạch.

- Tuy nhiên, nguồn nhân lực để thực hiện quy hoạch ngày càng hạn chế về số lượng (do tinh giản biên chế), chưa đảm bảo về chất lượng (lực lượng được giao thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học hầu hết đều kiêm nhiệm, không được đào tạo bài bản, thiếu kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng xử lý các vấn đề liên quan đến đa dạng sinh học; nguồn lực tài chính dành cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học còn eo hẹp.

b) Các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch và đề xuất phương hướng giải quyết

- Các vướng mắc:

+ Việc thực thi pháp luật về đa dạng sinh học còn gặp khó khăn do có nhiều văn bản cùng quy định về một vấn đề trong quản lý bảo tồn đa dạng sinh học, chẳng hạn với loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đa dạng sinh học thì việc cấp phép khai thác là của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhưng trong Danh mục của Nghị định 32/2006/NĐ-CP thì thẩm quyền cấp phép lại thuộc về Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn còn thiếu hụt, phân tán, chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ bảo tồn đa dạng sinh học.

+ Nhận thức về công tác bảo tồn đa dạng sinh học trong cộng đồng dân cư và toàn xã hội nhìn chung còn thấp. Chất lượng đời sống của nhân dân sống trong vùng đệm của các khu bảo tồn còn thấp dẫn đến tình trạng khai thác trái phép các loại động, thực vật tại các khu bảo tồn vẫn còn diễn ra.

+ Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có các đơn vị có khả năng tiếp nhận, duy trì lưu giữ và bảo tồn các mẫu tiêu bản, ngân hàng gen phục vụ nghiên cứu khoa học do chưa sẵn sàng về thiết bị, nhân lực và kinh phí.

- Đề xuất phương hướng giải quyết:

+ Tăng cường số lượng; tiếp tục đào tạo, nâng cao chất lượng cho lực lượng cán bộ nòng cốt cho công tác đa dạng sinh học từ cấp tỉnh đến cấp xã; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, địa phương trong quản lý đa dạng sinh học.

+ Tăng cường công tác huy động các nguồn tài trợ quốc tế, vốn ODA và các nguồn thu khác; ưu tiên nghiên cứu, áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ đa dạng sinh học. Có chính sách huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách trong đầu tư, bảo tồn và khai thác bền vững các hệ sinh thái đặc thù của tỉnh vừa kết hợp bảo tồn đa dạng sinh học và tạo sinh kế cho người dân vùng đệm.

+ Tăng cường đầu tư cho các trang trại thực hiện nhiệm vụ để bảo tồn nguồn gen động, thực vật bản địa, đặc hữu.

+ Đẩy mạnh công tác phối hợp với các đơn vị được đầu tư trang thiết bị phù hợp, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công tác bảo tồn các nguồn gen động thực vật quý hiếm của tỉnh để duy trì việc lưu giữ và phục vụ nghiên cứu khoa học.

b. Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030

- Trong quá trình thực hiện lập quy hoạch việc lồng ghép và cập nhật các thông tin chuyên ngành trong quy hoạch tài nguyên nước chưa đầy đủ. Mặt khác, với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đã và đang hình thành nhiều dự án trọng điểm (dự án Cấp nước thô cho khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, dự án Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc, VNT19, KCN VSIP, các hồ thủy điện, thủy lợi, Nhà máy lọc dầu, sự phát triển của các KCN, ...), làm thay đổi lớn nhu cầu sử dụng tài nguyên nước, các tính toán, phân bổ, các khu vực hạn chế khai thác nước, chia sẻ tài nguyên nước trong quy hoạch không còn phù hợp, có nguy cơ dẫn đến các mâu thuẫn khi khai thác, sử dụng nước giữa các ngành, các đối tượng khác nhau. Bên cạnh đó việc thay đổi bổ sung phát triển thủy điện, các khu công nghiệp với ngành nghề khác với quy hoạch trước đây cũng làm phát sinh vấn đề về bảo vệ tài nguyên nước.

- Hiện nay một số công trình khai thác, sử dụng nước đã nằm quy hoạch tài nguyên nước được UBND tỉnh phê duyệt, tuy nhiên số lượng công trình được phê duyệt không đáng kể so với hiện trạng, cụ thể như sau: (thủy điện: 06/22; thủy lợi: 363/1078; các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: 479 và các đối tượng khác liên quan).

- Trên địa tỉnh Quảng Ngãi có 04 con sông lớn và có nhu cầu khai thác sử dụng nước: sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ và sông Trà Câu; tuy nhiên, Quy hoạch tài nguyên nước được ban hành kèm theo Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 chỉ tính toán cân bằng nước cho lưu vực sông Trà Khúc và Sông Vệ là chưa đầy đủ và chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội hiện nay.

8. Quy hoạch thuộc lĩnh vực y tế

Đánh giá Chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020:

a) Về chính sách: Trên cơ sở Quy hoạch được phê duyệt, Sở Y tế đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, ban hành một số quyết định, kế hoạch, dự án như sau:

- Kế hoạch phát triển sự nghiệp Y tế;

- Kế hoạch số 1471/KH-UBND ngày 22/4/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Thực hiện Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 26-CT/TƯ ngày 14/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ngãi về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014-2020;

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 31/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Khoá XI - kỳ họp thứ 13 về việc thông qua Kế hoạch thực hiện Đề án Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014-2020;

- Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Sửa chữa, cải tạo nhà 2 tầng (Khoa Nhiệt đới, cơ sở cũ Bệnh viện đa khoa tỉnh) để làm cơ sở hoạt động cho Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi;

- Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng nhiều trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2013 của Dự án "Hỗ trợ Y tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ" (vốn ADB) tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2014 của Dự án "Hỗ trợ Y tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ" (vốn ADB) tỉnh Quảng Ngãi (trong đó có đầu

tư xây dựng mới 1 số hạng mục công trình Bệnh viện huyện: Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng, Ba Tơ và Trung tâm Y tế dự phòng huyện Mộ Đức);

- Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 31/5/2013 Ban hành Quy định chính sách thu hút, khuyến khích nguồn nhân lực chất lượng cao và sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi (trong đó có bác sỹ, dược sỹ đại học);

- Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 Quy định chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ, dược sỹ đại học và những người có trình độ sau đại học chuyên ngành y, dược đang công tác tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ngãi

Trên cơ sở các Quyết định, kế hoạch nêu trên được phê duyệt, tạo điều kiện cho ngành Y tế Quảng Ngãi triển khai một loạt các hoạt động nhằm tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phát triển nguồn nhân lực để thực hiện các nội dung Quy hoạch được phê duyệt.

b) Một số vướng mắc trong quá trình thực hiện quy hoạch

- Hệ thống và mạng lưới y tế công lập của tỉnh vẫn còn chưa hoàn chỉnh, nhu cầu đầu tư phát triển cho ngành y tế rất lớn.

- Một số chính sách về hệ thống y tế thay đổi như: hợp nhất, sát nhập, đổi tên một số đơn vị sự nghiệp y tế

- Khả năng đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước còn hạn chế

c) Kiến nghị, đề xuất

- Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước cho ngành Y tế

- Tiếp tục duy trì chính sách thu hút, khuyến khích nguồn nhân lực chất lượng cao và sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy (chủ yếu bác sỹ, dược sỹ đại học) đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí để đào tạo liên tục, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế.

9. Quy hoạch thuộc lĩnh vực giao thông

Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 sau một thời gian thực hiện đã bộc lộ một số nội dung bất cập, chưa đồng bộ, một số nội dung trong quy hoạch đã không còn phù hợp với tình hình phát triển KT-XH của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua, cụ thể:

- Mặc dù tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành cao nhất cả nước nhưng chủ yếu là điều tiết về ngân sách Trung ương nên tỉnh Quảng Ngãi vẫn là tỉnh nghèo so với mặt bằng chung cả nước và nội lực nền kinh tế vẫn còn nhiều yếu kém, phát triển chưa bền vững nên chưa cân đối được nguồn lực của tỉnh để đầu tư các dự án theo quy hoạch mà phụ thuộc

nhiều từ nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương. Tổng vốn đầu tư phát triển Giao thông vận tải trong giai đoạn 2012-2020 đạt 44.743/53.290 tỷ đồng (84% quy hoạch) do đó một số chỉ tiêu không đạt được theo Quy hoạch được duyệt.

- Một số nội dung trong quy hoạch đã được UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh: Điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh theo Quyết định số 428/QĐ-UBND; điều chỉnh tên và số lượng đường tỉnh theo Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Điều kiện tự nhiên của tỉnh có mặt không thuận lợi, các huyện miền núi có địa hình bị chia cắt, độ dốc lớn; thời tiết khắc nghiệt của khu vực miền Trung (mưa lũ thường xuyên hàng năm) nên đã làm hư hỏng các tuyến đường giao thông, khó khăn trong quá trình thi công xây dựng, kinh phí đầu tư xây dựng lớn.

- Nguồn lực đầu tư chủ yếu dựa vào Ngân sách nhà nước, chưa huy động được nhiều nguồn lực từ bên ngoài; vốn đầu tư cho phát triển hạ tầng giao thông còn quá ít so với nhu cầu và phân bổ nguồn lực còn thiếu tập trung;

- Công tác quản lý đất đai và cơ chế bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tế làm cho công tác giải phóng mặt bằng chậm, làm kéo dài thời gian thi công công trình.

- Chưa đầu tư bãi đỗ xe đảm bảo cho xe quay đầu, đỗ xe chờ hoạt động, trạm bảo dưỡng sữa chữa, nhà điều hành xe buýt, khu bán vé, khu nhà ở cho nhân viên phục vụ, lái xe lưu trú qua đêm tại các điểm cuối các tuyến xe buýt. Việc bố trí quỹ đất để xây dựng bãi đỗ xe, điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt chưa được các sở, ngành, địa phương liên quan thống nhất dành quỹ đất phù hợp.

- Tất cả các bến đò ngang trên địa bàn tỉnh hoạt động tự phát, chưa huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư xây dựng các bến khách ngang sông và bến thủy nội địa trên lòng hồ thủy điện Đăkđrinh để phục vụ đời sống dân sinh sống khu vực này nên tìm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy nội địa, nhất là vào mùa mưa bão.

Kiến nghị: Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

V. KẾT LUẬN

Thực hiện rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2011-2020 là công việc cần thiết, cấp bách trong bối cảnh tổ chức triển khai thực hiện Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, cụ thể hóa Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Bên cạnh đó, kết quả rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi là căn cứ quan trọng trong xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trước bối cảnh và tình hình phát triển mới QHT-2010 được phê duyệt đã không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay cũng như xu hướng hội nhập

của toàn cầu. Do đó, cần đổi mới mô hình tăng trưởng, đảm bảo kinh tế của tỉnh vừa tăng nhanh, vừa bền vững; cơ cấu hợp lý giữa các ngành trong nền kinh tế để hoạch định chiến lược và phân bổ đầu tư phát triển, bám sát thực tiễn từng ngành, từng địa phương, nắm bắt nhanh những diễn biến mới và nâng cao năng lực phân tích dự báo để kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp cho Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên đây là Báo cáo rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2011-2020 và đã cập nhật, bổ sung đầy đủ theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CB;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng Bính